

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐẠI ĐẠO BÍ SỬ

SOẠN GIẢ

HIỀN TÀI TRẦN VĂN RẠNG

ĐẠI ĐẠO NĂM THỨ 46

1971

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TẠI TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 21/11/2012

Tâm Nguyên

ĐẠI ĐẠO BÍ SỬ

SOẠN GIẢ: **TRẦN VĂN RẠNG**

GIÁO SƯ SỬ HỌC

Đại Đạo Năm Thứ 46

1971

Bổ Sung và Tái Bản Trên Internet

2002

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU	9
1. BỔNG LAI TIÊN CẢNH	11
2. ĐIỆN KIẾN THIÊN CUNG	12
3. LỤC LONG PHÒ ẤN.....	16
4. ẤN TÝ, ẤN TÂM.....	18
5. ĐẠO TAM ĐỒ BÁT NĂNG THOÁT TỤC.....	20
6. NƯỚC THÁNH.....	21
7. LUYỆN CAM LỒ THUYỂ	23
8. LONG TU PHIỄN.....	25
9. CÔ ĐOÀN NGỌC QUẾ.....	27
10. HUYỀN DIỆU CƠ BÚT.....	32
11. ĐÈN THỜ PHẬT MẪU TƯƠNG LAI.....	35
12. THÁNH LÂM PHÀM	41
13. BÁT TIÊN GIÁNG TRẦN.....	43
14. THẬP NHỊ THỜI QUÂN.....	56
15. ĐẠO CHO TA SÁNG MẮT	59
16. NGŨ CHI PHỤC NHỨT	61
17. NƠI LÒNG THẤY NGỰ ĐỘNG THẤY HAY...	63
18. DUYÊN KỶ NGỘ.....	64
19. LÝ THÁI BẠCH VÀ QUAN THÁNH TIÊN TRI THỜI CUỘC	67
20. TÁM GÀ TRÊN MÂY.....	70
21. TÀ THẦN QUẢY NHIỀU	72
22. LONG TUYỀN KIỂM TRIỆT NHÂN TÀI.....	73

23. MÃ ĐÀO PHÁP NẠN.....	75
24. NGÔ TRIỀU SỤP ĐỔ.....	78
25. MUỖI HAI ĐỨC THẦY MUỖI BA MỤ BÀ	80
26. ANH LINH KHÔNG KỶ NGUYỆT HUYẾT	83
27. NHAN UYÊN KỶ.....	85
28. BẠCH VÂN ĐỘNG.....	87
29. ÔNG THIÊN ÔNG ÁC	89
30. TẢ ĐẠO CHIẾM BẢY NGAI TRONG NỘI ĐIỆN	91
31. ĐỂ VƯƠNG DỎM XUẤT THỂ.....	92
32. THẦY GIÁO VĂN	93
33. SỬ MẠNG BẤT KHẢ THI (TRÁI BOM NGÀN KÍ).....	96
34. CHỨNG NGỘ ĐẠO	97
35. CHẤP BÚT THÁNH GIÁO GIÁNG TỬ CUNG BẮC ĐẤU.....	105
36. CON ĐƯỜNG THIÊN LIÊN HẰNG SỐNG (TOÁT YẾU ĐIỂN THI).....	107



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI NÓI ĐẦU

Bất cứ tôn giáo nào cũng đều có nhiều sự mâu thuẫn thiêng liêng mà người ngoại đạo thấy khó hiểu và thông cảm được.

Chẳng hạn, Thiên Chúa Giáo tin là Đức Mẹ Maria đồng trinh nhưng Đạo Tin Lành thì hiểu ngược lại. Người Trung Hoa cho rằng Đức Lão Tử xé nách người mẹ mà chào đời. Tín đồ thì mặc nhiên công nhận. Người ngoại giáo thì lập lờ bán nghi.

Thế nên, ta mới thấy đường ranh giữa tín ngưỡng và mê tín chỉ bằng sợi tóc. Vì vậy suốt những năm dài nghiên cứu về Đạo Cao Đài, người viết cũng thấy được “*Những mâu thuẫn*” đó, nên để vào ngoại sử mà chép thành quyển Đại Đạo Bí Sử này. Tin hay không tin là quyền của độc giả và đồng đạo vì người viết theo chân lý Đức Khổng Tử “*Thuật nhi bất tác*”, kể lại mà không sáng tác. Bởi lẽ, nghe kể mà ghi chép lại nên chắc chắn nếu có nhiều chỗ dị ý, dị bản.

Tam Tế Anh, mồng 10-4-Tân Hợi

Trần Văn Rạng

1. BỔNG LAI TIỀN CẢNH

1. BỔNG LAI TIÊN CẢNH

Người đệ tử Cao Đài thứ nhất là ông Ngô Văn Chiêu (1878 – 1932), người Bình Tây, Chợ Lớn. Chính ông đã được Đấng Chí Tôn dạy cách thờ Thiên Nhân trước nhất.

Một buổi sáng lối 8 giờ, vào năm 1921, ông đứng ngồi trên võng, bỗng thấy trước mắt cách xa độ hai thước, lộ ra con mắt thiệt lớn rất huyền diệu thiêng liêng, chói ngời như mặt trời, ông lấy làm sợ hãi, lấy hai tay đập mắt lại. Chừng 30 giây, ông mở mắt ra thì thấy con mắt cũng còn và lại chói sáng hơn nữa. Ông liền chấp tay vái rằng: *“Bạch Tiên Ông, đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông rồi. Đệ tử xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì”*. Vái xong thì con mắt lu dần rồi mất. Sau khi ông tu học được ba năm. Tiên Ông khen ông tu kỹ. Một hôm Tiên Ông giáng cơ ban cho ông một đặc ân, tự ý ông chọn thì sẽ ứng hiện tức thì. Ông mới bạch: *«Bạch Thầy nghe nói cảnh Bồng Lai đẹp vô cùng Thầy có thể cho đệ tử thấy cảnh ấy được không?»*. Cơ gõ một cái chớ không trả lời.

Ít lâu sau vào một buổi chiều, cuối tháng giêng năm Giáp Tý (2-1924), Ông ra đứng hóng gió và lên Dinh Cậu nhìn ra khơi biển Phú Quốc. Bất thần nơi chỗ trời biển giáp nhau lộ ra một cảnh rất xinh đẹp. Cảnh này vừa tan biến thì cảnh khác hiện ra ngay. Sau rớt, ông thấy một cảnh có Thiên Nhân, trên xô ngay xuống một hàng có 3 chữ Nhật, Nguyệt, Tinh ngoạn mục vô cùng. Ông xem mê mẩn tinh thần. Lối chừng 15 phút thì cảnh ấy lu mờ dần rồi mất.

Về sau, phò cơ ông mới được Tiên Ông cho biết cảnh

2. DIỆN KIẾN THIÊN CUNG

ấy là Bồng Lai. Do đó ông mới bảo người đệ tử là Đốc học Thới vẽ lại cảnh ấy mà thờ.

2. DIỆN KIẾN THIÊN CUNG

Là đệ tử Cao Đài, ai cũng biết buổi đầu mới lập giáo, các vị thời khai nguyên được Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các đấng dành cho nhiều huyền diệu để trụ vững đức tin.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890 – 1959) người làng An Hoà, Tây Ninh đã nhiều lần về châu Thượng Đế nhưng có hai lần quan trọng nhất. Lần thứ nhất vào năm 1907 và lần thứ hai lúc được ân phong mà Ngài chưa nhận nên Đấng Chí Tôn dùng huyền diệu cho Ngài về Bạch Ngọc Kinh để biết ngôi vị thiêng liêng và nhiệm vụ cao trọng của Ngài trong nền Tân Tôn giáo.

Năm 17 tuổi (1907), Ngài thiếp đi một lần để diện kiến Thiên cung. Nhờ đó mà Toà Thánh Tây Ninh xây đúng mẫu mực Thiên đình. Lần thứ hai Đức Ngài viết “*Tam Thập Lục Thiên hồi ký*”

Đêm rằm tháng giêng năm Đinh Mùi, Ngài nhìn ánh trăng hư ảo khê ngâm bài «*Nhân Nguyệt vấn đáp*» rồi tâm dần dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền diệu mà Ngài đang lững chững trên đường bằng phẳng, sạch sẽ và trắng như tuyết.

Bồng thấp thoáng đằng xa đi lại một vị sư già, mặc áo cà sa vàng, nét mặt từ bi và cất tiếng hỏi:

– Em có nhớ qua không?

Ngài nhìn vị sư, chợt nhớ ra vội đáp:

– Dạ nhớ.

Vì năm lên mười tuổi theo học chữ Nho, thường hầu Thầy đi cân thuốc ở tiệm Đức Vọng chợ Tây Ninh, Ngài đã gặp vị sư này bàn với Thầy Ngài về tướng Ngài như vậy: *“Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả”*

Vị sư già đưa Ngài đến một tòa lâu đài màu trắng tinh và bảo Ngài:

– Em chờ qua ngoài này, qua vào trong một chút nhé.

Ngài chờ lâu quá không thấy vị sư trở lại bèn vừa kêu vừa gõ cửa, vẫn không ai trả lời. Ngài mới đi vòng quanh thấy nhà có 8 góc và 8 cửa đều giống nhau đóng kín mít. Nhìn kỹ, Ngài mới nhận ra mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời xa. Trong lúc băn khoăn chưa biết chọn con đường nào, bỗng ở phía có bóng đèn lòe sáng, Ngài liền phăng tới, gặp một tòa nhà mà cửa vẫn đóng. Ngài gõ liên hồi mấy tiếng, không thấy ai trả lời. Ngài bấn loạn muốn thối chân thì một tiểu đồng xuất hiện và chỉ ngay vào mặt Ngài mà nói:

– Anh có phải là anh Tắc không?

– Sao em biết qua? Cậu bé mỉm cười.

– Sao tôi lại không biết. Thầy đợi anh trong nhà.

Ngài ngạc nhiên hỏi:

– Thầy là ai hở em?

– Rồi anh sẽ biết. Nói xong tiểu đồng bước vào nhà.

Ngài bước theo gặp con kim mao hầu nằm ngang, ngăn ngại nên tiểu đồng cười giục:

– Có gì mà sợ, nó không cắn đâu. Anh cứ theo tôi,

2. DIỆN KIẾN THIÊN CUNG

đừng ngại gì cả.

Ngài vừa bước qua, cửa tự động đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có 5 phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đóng. Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng và dặn:

– Anh chờ đây. Lúc nào Thầy kêu tôi sẽ cho anh hay.

Chờ lâu quá sốt ruột, phần sợ con kim mao hầu, ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe tiếng gắt gỏng:

– Anh làm vì rối thế? Anh nhát quá, thôi ở đây mà chờ Thầy.

Ngài ngấm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng 10 thước, bốn mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liền cực đẹp... Từ ngoài một ông già cao lớn, mặc áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào phòng. Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra, ông già này là người đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong tiệm thuốc Đức Vọng. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo Ngài:

– Con ngồi xuống đi.

Trước nhứt, ông già hỏi thăm về gia đình nhưng trừ người chị thứ tư đã mất không hỏi, làm Ngài ngạc nhiên vô ngần. Sau lúc phê phán từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng

– Con đem bánh cho anh con ăn.

Tiểu đồng mang và đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh hơi bốc lên thơm phức. Các chiếc bánh bột lọc hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, xếp theo hình nón. Ngài được ông già mời ăn và uống nước bằng tô lớn

vàng ròng. Đợi Ngài ăn xong ông già trầm ngâm nói:

– Hôm nay con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này. Nếu Ngài ăn hết ba cái bánh (tượng trưng Tam giáo) thì việc Đạo đã xong, nhưng Ngài chỉ ăn có hai cái rưỡi (chọn lọc) tức là chưa xong, ứng với quẻ 64 Hỏa Thủy vị tể trong việc Đạo biến hóa vô thường mà Ngài phải lo liệu sau này.

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con kim mao hầu. Ngài vái xin con vật đó. Ông già tỏ vẻ ưng lòng và đáp:

– Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con.

Khi trở ra, Ngài bước lên lưng con kim mao hầu và đạp lên móng thì cánh cửa tự mở. Lúc đến tòa lầu đài 8 góc, tiểu đồng từ tạ:

– Bây giờ em chưa thể cùng đi với anh được. Sau này thầy sẽ cho em xuống với anh. Thôi anh về đi.

Ngài sực nhớ đi chơi quá lâu, vội chạy nhanh về, vô ý vấp phải mô đất, té lộn đi một vòng. Ngài giật mình tỉnh dậy, thoang thoảng bên tai tiếng khóc vang dậy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kê thì kéo tóc, người thì giựt tay, gọi tên Ngài âm ỹ.

Ngài chờn vờn ngồi dậy như nói trong mơ:

– Con chó tôi đâu rồi?

Người người ngơ ngác, nhưng Ngài lại nhớ đến con kim mao hầu trong giấc mộng dài diện kiến Thiên cung.

*Xa trông vật đã xây tròn
Bát hương Đài, ngưng thấy nước non
Động cũ, Thấy Tiên còn để dấu*

3. LỤC LONG PHỒ ẤN

*Chùa xưa Phật Tĩnh mát lui rèm
Chấp kinh, Khổng sĩ nho phong giỏi
Năm nghiệp Đào quân nhất thuộc khôn
Nẻo Thánh tuy nhiên tay đẩy cỏ
Nên Văn Miếu thấy khói hương còn*
(TAM THẬP LỤC THIÊN HỒI KÝ)

3. LỤC LONG PHỒ ẤN

Khi du khách đến viếng Toà Thánh, cái lời cuốn đầu tiên là hai lầu chuông và trống cao ngất. Một hệ thống kiến trúc kiểu Pháp nằm giữa hai khu rừng Thiên nhiên màu xanh biếc.

Jeanine Anboyer trong quyển “*Mỹ thuật Viễn Đông*” nhận định rằng: Người VN đã biết chọn những cảnh thiên nhiên đẹp nhất để xây dựng những công trình thờ cúng của họ (Les arts de l' Extrême Orient. Pario 1948 trang 83). Đó là lối kiến trúc cổ VN theo lối kiến trúc cảnh vật hóa (Architecture VayAagec). Một tu sĩ Nhật Bản cũng cho rằng Toà Thánh được xây cất trên suối ngầm chảy qua 6 cửa gọi là “*Lục long phồ ấn*” hay “*Lục long kết tụ*”. Vùng đất này rất phát triển về Đạo pháp và nhân tài (Huỳnh Minh, Tây Ninh xưa và nay, Sài Gòn 1972, trang 177).

Viễn cảnh Toà Thánh Tây Ninh về phía Đông (cung Chấn) gối lên giồng Sân Cu (đất lành), mặt trước phía tây (Cung Đoài) trông ra sông Vàm Cỏ Đông. Phía tả (Nam) Thanh long nước sông Cẩm Giang – Bến Kéo chảy cuộn quanh. Đó là điểm kết long mạch, sách lỗ Ban Kinh gọi là hàm rồng. Phong thủy dương âm hội đủ Cận Cảnh, hồ Động Đình (bàu Cà Na) nước chảy không ngừng (pháp luân thường chuyển) vào rạch Ao Hồ Tây Nam (câu). Hai

bên trái phải Toà Thánh là hai cánh rừng Thiên nhiên xanh biếc hài hòa cảnh trí. Phía Bắc (cung Ly) suối Lâm Vô. Phía Đông Bắc (cung Tốn) là Suối Đá. Phía Đông (cung Chấn) Suối Cái chảy về Nam (cung Khảm) qua Đoạn Trần Kiều, Suối Con lươn ra Giải khổ Kiều, bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh địa, hợp với sông Vàm Cỏ Đông, Cẩm Giang mà kết tụ Lục Long Phò Ấn. Biểu hiện Tay Long (dương), Tay Hồ (âm) không đối lập nhau mà còn hòa hợp lẫn vào nhau nhiều lần viễn cảnh như cận cảnh. Bên trái (Thanh Long), bên phải (Bạch Hổ) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (đại kích!). Địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng.

Về Lục Long, trong kinh dịch, Chu Công giải nghĩa 6 hào của quẻ Thuần Càn () thành 6 rồng như sau:

HÀO ĐẦU: Rồng còn ẩn náo chưa (đem tài) hàng được (tiềm long vật dụng) tức rồng còn dưới vực sâu chưa lên mây nên chưa biến hóa được. Ý nói người chưa gặp thời thì nên trau dồi hạnh phúc, luyện thành tài trí, ở ẩn không cầu danh, không ai biết mình thì cũng chẳng buồn.

HÀO HAI: Rồng đã hiện ở cánh đồng ra mắt đại nhân thì lợi (hiện long tại điền lợi kiến đại nhân). Người giúp đời mà không khoe công lao, giữ lòng thành tín và được trung chánh gặp đại nhân thì lợi.

HÀO BA: Người quân tử suốt ngày hăng hái đến tối vẫn còn thận trọng, dù nguy hiểm mà không tội lỗi (quân tử chung nhật, càn càn tịch tịch nhược Lệ Vô Cửu). Người quân tử giữ lòng trung tín mà tiến sức lập ngôn lấy lòng thành lập sự nghiệp. Ở địa vị cao mà không tự kiêu, ở địa vị thấp mà không lo lắng.

4. ẨN TÝ, ẨN TÂM

HÀO BỐN: Như rồng có khi bay lượn, có khi nằm vệt, tùy thời mà không lằm lổ (hoặc được tại yên vô cửu).

Thận trọng tùy thời cơ, nên tiến thì tiến (như rồng bay nếu không thì chờ đợi (rồng nằm vệt) chuẩn bị cho kịp lúc ra giúp trời.

HÀO NĂM: Rồng bay trên trời ra mắt đại nhân thì lợi (phi long tại thiên lợi kiến đại nhân). Mây bay theo rồng, gió bay theo cọp. Ý nói Thánh nhơn ra đời người trông theo.

HÀO CUỐI: Rồng lên cao quá có hối hận (kháng long hữu hối). Rồng bay quá khó xuống, nếu hành động sẽ xảy ra điều đáng tiếc vì cực thịnh tắc suy nên lui bước để giữ đạo người quân tử.

“Thời thừa lục long dĩ ngụ thiên”

Đức Lý Thái Bạch giảng dạy về Lục Long phò ẩn như sau:

“Lão khen Thái Thơ Thanh phải đó, tưởng chư hiền hūu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa, sáu hơn 300 thước như con sông, trung tâm đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn làm như sáu con rồng tranh ngay nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là “Lục long phò ẩn” Ngay miếng đất đó đặng ba đầu, một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”.

4. ẨN TÝ, ẨN TÂM

Trong kỳ ba giáo Đạo, Đức Chí Tôn đại từ đại bi ban cho toàn Đạo ẨN TÝ để cho mỗi môn đệ hộ thân, chớ không cầu xuất điều hại người, nên ngón trở và ngón út không đưa thẳng ra như cách bắt ẩn khác. Vì khi bắt

ấn tý thì dùng ngón tay trái ấn vào ngón áp út chỗ cung Tý, Tý là nơi khởi đầu vạn vật.

Chấp tay bắt ấn là sao?

Hữu vi nguyệt, tả vi nhật, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhứt phát khởi càn khôn, sanh sanh hóa hóa

Trong năm ngón tay, ngón áp út còn gọi là ngón vô danh. Chỉ cảnh tượng Trời đất lúc chia phân. Vô danh Thiên địa chi thi. Đến hội Tý thì cõi trời lập vì Thiên sanh vi Tý. Theo thập nhị địa chi thì cung Tý tại góc ngón vô danh.

Ngón cái gọi là mẫu chỉ, biểu tượng sau khi tạo thiên lập địa, vạn vật có tên. Hữu danh vạn vật chi mẫu.

Vậy ngón cái là mẫu chỉ, ngón trở là thực chỉ, ngón giữa là trung chỉ, ngón áp út là vô danh chỉ, ngón út là tiểu chỉ.

Muốn bắt ấn tý, trước khi chấp tay phải dùng ngón tay cái của tay trái (mẫu chỉ) ấn vào cung Tý góc ngón áp út (vô danh chỉ) cũng của tay trái. Còn tay phải, ngón cái của tay phải chỉ vào cung Dần của tay trái. Bốn ngón còn lại của tay phải bao ngoài tay trái thuộc dương có ngón tay mặt chỉ vào. Còn tay mặt thuộc âm có tay trái ở trong phù hợp với kinh dịch: *“Âm nội hữu chơn dương, dương nội hữu chơn âm. Âm dương lưỡng cá tứ năng hữu kỷ nhưn tri”*

Khi xá phải hợp với Đại Tam Tài. Tay đưa lên trán: Kính Trời, xá sâu tới gối; Kính đất, thu về ngực; kính nhưn.

Ẩn tâm hay tâm ấn là gì? Đó là ấn truyền bí pháp cho hành giả thiên định. Ngón cái chứa sinh lực; ngón

5. ĐẠO TAM ĐỒ BẤT NĂNG THOÁT TỤC

trở và ngón út xuất điện quang, chống phá và xua đuổi tà
điễn. Ngón giữa và ngón áp út thu điện quang, nhận điện
thiên liêng, thu huyền khí.

Như vậy, ấn tâm là co ngón giữa và ngón vô danh
lại (thu điện trời đất), ngón cái đè lên 2 ngón này để tạo
nguồn sinh lực dồi dào. Còn 2 ngón trở và út duỗi ngay
ra xuất điện xua đuổi tà mị.

*Tâm thanh tịnh an lạc tu đỉnh
Gom tam huê nhập định tu chơn
Tam Kỳ đạo chuyển tuần hoàn
Ngôi Tiên vị Phật đạo hành vô vi*

5. ĐẠO TAM ĐỒ BẤT NĂNG THOÁT TỤC

Đàn đêm 12 rặng 13-3 – Bính Dần (22- 4- 1926) Đức
Chí Tôn dạy hai vị Đầu sư lập thế trước bàn Ngũ Lôi,
riêng tại bàn Vi Hộ Pháp như vậy: «*Như ngày sau phạm
thiên điều, thế có Hộ Pháp đạo Tam đồ bất năng thoát
tục*» (Thánh Ngôn, Hiệp Truyền, quyển I 1950, trang 15).

Lời thể ấy nghe như trái ngược tuyên ngôn của Ngọc
Hư Cung: “*Đại ân xá, tận độ chúng sanh*”. Cái chìa khóa
của câu trên là «*Hộ Pháp đạo tam đồ*» mà kỳ ba phổ độ
có Hộ Pháp, người giữ gìn Pháp luật, Ngài buộc tội thì
Ngài cũng có quyền ân xá.

Trước hết, ta tìm hiểu Tam đồ là gì? Đó là ba đường
đi, ba cõi hành hạ kẻ phạm thiên điều.

1) **Hỏa đồ:** Hồn bị đọa ở địa ngục, thấy thân mình
bị lửa nung đốt cao độ

2) **Huyết đồ:** Hồn đầu thai làm súc sanh, bị con
người thọt huyết và ăn thịt

3) **Đao đố:** Hồn ở trong côi ngựa quỷ (ma đối) không những bị đối khát mà còn bị gươm đao róc thịt, xẻ xương.

Vậy Tam đồ là ba nơi hành phạt gồm: Địa ngục, ngựa quỷ, súc sanh khó thoát tục. Thật ra, ai lỡ phạm thiên điều cầu khẩn nơi Đức Hộ Pháp, ăn năn hối lỗi nhờ Ngài mở huệ quang khiêu bằng cách:

– **Văn Kinh:** Dạy nghe Kinh, đọc Kinh đi cúng kiến thường xuyên: “*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi*”

– **Tư Kinh:** Suy xét những nghĩa lý trong kinh vì đọc kinh phải tâm lý, không hiểu nghĩa dễ bị u mê sai lạc.

– **Thiền định:** Phải tu tịnh ít nhất ngày một lần để tiếp diễn lành của các Đấng Thiêng Liêng.

Nhờ đó, khi hào quang của Đức Phật chiếu tới trí tuệ ta mới tiếp nhận khai khiêu, dù lúc đó ở trong côi Tam đồ cũng được giải thoát ngay.

Như thế, chìa khóa «*đại ân xá, tận độ chúng sanh*» được mở ra, nếu ta biết ăn năn và tu luyện kiếp sanh trở nên tốt đẹp.

6. NƯỚC THÁNH

Tháng 3 năm 1927 Đức Cao Thượng Phẩm được Đức Lý giao việc di cốt Phật Tổ từ chùa Từ Lâm ở Gò Kén về đất mới ở làng Long Thành.

Con ngựa Cantaka của Đức Phật Tổ cỡ lớn và dài, nên Đức Cao Thượng Phẩm phải kết hai cái xe bò lại để dễ chở. Viên Chánh Tham biện tướng Đức Cao Thượng Phẩm tụ tập dân chúng mưu sự gì nên cho quân lính kích hai bên đường. Dọ Thám cho biết Đức Cao Thượng Phẩm

6. NƯỚC THÁNH

chỉ đi cốt Phật Tổ chớ không làm gì khác nên họ giải tán.

Bầu tượng Đức Phật Tổ đặt giữa hai cụm rừng Thiên Nhiên. Mặt hướng về nước Cao Miên. Tay che trán như chờ đón cả dân tộc này. Tượng biểu hiện Thái tử Sĩ Đạt Ta rời bỏ hoàng cung đi tu, phía sau có Sa Nặc chạy theo chấp tay xúi Ngài trở lại.

Người Cao Miên thì cho pho tượng Phật Tổ cỡi ngựa đó là vị Thái Tử của nước họ đã chuyển hóa giúp dân họ hồi đầu hướng thiện. Vào buổi sáng mình ngựa đầy mồ hôi. Họ cố công hứng lấy nước mà uống chữa được nhiều thứ bệnh. Vì vậy, họ về nước đồn lên khiến hàng vạn người lũ lượt kéo đến Toà Thánh làm công quả phá rừng cất chùa mới.

Công quả giúp phá rừng quá đông. Đạo chưa tạo được cái nhà nào phải nấu ăn và ăn uống giữa trời. Thế mà người công quả lục tỉnh, Nam Vang ngày càng mỗi về đông.

Thiếu mọi phương tiện phòng bệnh, thuốc thang không có. Đức Cao Thượng Phẩm xin Đức Chí Tôn ban bí pháp luyện Cam Lộ Thủy mà dân Đạo quen gọi là NƯỚC THÁNH.

Chưa có đền thờ nên Đức Cao Thượng Phẩm hành pháp giữa trời. Người xin nước Thánh đem chai xếp hàng trên bàn. Mỗi khi làm phép trấn thần xong là múc vào chai của ai nấy lấy đem về uống. Nhờ có huyền diệu Thiêng Liêng nước Thánh trị được bá bệnh. Tiếng lành đồn xa, công quả các nơi tấp nập kéo về. Nhờ thế rừng cấm không bao lâu trở thành mảnh đất bằng phẳng. Toà Thánh tạm bằng tranh được dựng lên. Đó chẳng phải nhờ huyền diệu thiêng liêng, ơn trên giúp sức sao? Mà nước Thánh chỉ là

phương tiện để giúp đại thành cứu cánh ngôi Bửu điện.
Thiên Nhơn hợp nhất hiện rõ từ đầu.

7. LUYỆN CAM LỘ THỦY

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo có truyền nhiều bí pháp cho Đức Hộ Pháp như phép Hôn phối, cắt dây oan nghiệt (phép xác), giải oan Tam Thánh, giải bệnh, trấn thân, độ thăng phép lành.

Nhiều chức sắc khác như: Đức Cao Thượng Phẩm cũng được truyền nhiều bí pháp như truyền thần, tẩy trừợc trị bệnh, giải thể.

Có nhiều bí pháp không được truyền bá và nhiều bí pháp chưa được áp dụng trong giai đoạn này. Người thọ bí pháp phải là chức sắc, hoặc người trưởng trai. Khi hành pháp thì được các Đấng Thiêng Liêng ám trợ, đưa đến những kết quả bất ngờ, ngay cả người hành pháp cũng không lường được. Chẳng hạn vào 1935 tại Kgchnang (Campuchia) tín đồ Duyên (nay là chức sắc) phát cơn đau bụng thuốc thang đều vô hiệu. Thân nhân đưa đến Thánh Thất Nam Vang, ông Cao Tiếp Đạo làm phép giải bệnh cho ông, ông run rẩy và uống chung nước Thánh liền mưa ra bảy cây đĩnh, rõ ràng ông bị thư từ lâu.

1. Phép luyện Ma Ha Thủy

Tám Thánh hay giải oan phải có Ma ha Thủy. Ma Ha Thủy là nước sông Hằng nơi Đức Thích Ca tẩy trần đạt Đạo.

Muốn luyện nước Ma Ha, ta lấy một tô nước để trước Thiên bàn. Người hành pháp thân ngó ngay thiên nhãn và lấy mắt mà vẽ chữ Phật trong con người của Thiên nhãn,

co chơn trái lên vẽ chữ Pháp đập lên chữ ấy, rồi rút chơn mặt lên viết chữ Đinh gọi là Đinh giáp.

Hành pháp xong, tay trái bắt ấn Hộ pháp để ngay ngực, tay phải cũng bắt ấn Hộ pháp để trên tờ nước, buông ấn ra rồi ngón tay giữa vẽ chữ bùa Tam Thiên. Đoạn xòe tay ra truyền thần xuống nước niệm chú “*Ma Ha Thủy vàng hủy oan nghiệt tội chướng chi đọa*”. Nhắm mắt, định thần đợi thấy Thiên nhân giáng trên mặt nước thì xả ấn. Như vậy là Ma Ha Thủy đã được luyện thành.

Khi thực hành cầm chén Ma Ha Thủy rót lên đầu chảy xuống tờ được hứng phía dưới để cho người giải oan hay đưa trẻ tắm Thánh rửa mặt.

2. Pháp luyện Cam Lổ Thủy:

Hành phép xác phải có Cam Lổ Thủy. Cây dương nơi Lôi Âm Tự, mỗi chót lá đọng lại một giọt sương là một sinh mạng con người, nếu giọt sương rơi thì người phải chết.

Muốn luyện nước Cam Lổ, ta đặt tờ nước trước thiên bàn rồi lấy 2 chung nước âm dương xấp lại cho âm dương ký tế vừa rót ngay xuống tờ vừa niệm thần chú: “*Cam Lổ thủy năng hủy trước kiếp ở sinh oan nghiệt tội chướng chi đọa*” hễ dứt câu niệm là dứt giọt nước. Đoạn tay trái bắt ấn Hộ pháp để ngay ngực, tay mặt cũng bắt ấn Hộ pháp chụp lên miệng tờ, co ngón tay giữa vẽ chữ bùa Tam Thiên trên mặt nước, rồi xòe tay ra truyền thần xuống mặt nước. Đoạn nhắm hai mắt định thần, hễ thấy Thiên nhân giáng trên mặt nước thì giựt tay ra (xả ấn). Như vậy là Cam Lổ Thủy được luyện thành.

Khi làm phép hành xác, tay trái cầm chén Cam Lổ

Thủy, tay mặt cầm nhánh dương nhúng vào nước Cam Lộ rồi vẩy xung quang thi hài (định thần thấy thi hài chứ không thấy quan tài).

8. LONG TU PHIẾN

Lấy cơ việc tà quái xảy ra trong ngày khai Đại tại Từ Lâm Tự, Hòa Thượng Như Nhân đòi chùa lại. Đức Cao Thượng Phẩm khó nhọc đưa cốt Phật Tổ về chùa mới. Nơi xây dựng chùa là khu rừng cấm, nhà cửa dân đạo hầu như không có. Không biết thế nào để khởi nây, thế nên Đức Chí Tôn đã ban mâu nhiệm qua Đức Cao Thượng Phẩm. Sau những đàn cúng, Đức Ngài cầu nguyện luyện Cam Lộ Thủy rồi đem ra giải oan, tắm thánh, cho uống trị bá bệnh ngay nơi công trường xây dựng. Nhờ huyền diệu của Đức Chí Tôn bệnh gì uống vào cũng hết khiến cho mọi người công quả đều mạnh mẽ. Chúng sanh phương xa hay tin tấp nập kéo về Toà Thánh xin nước Thánh trị bệnh. Nhờ đó, công quả ngày càng đông, việc phá rừng ngày càng quang đảng. Đó là phần đất cất Toà Thánh hiện nay.

Bà Tư Hương Hiếu cai quản phòng trừ, ngoài việc lo ăn uống cho công quả còn may thiên phục cho chức sắc Thiên phong.

Ưu tú nhất là bà làm chiếc Long Tu Phiến cho Đức Cao Thượng Phẩm đúng như lời Đức Chí Tôn giảng dạy. Long tu là râu rồng, phiến là quạt; tức là quạt râu rồng, nhưng thật sự chỉ làm bằng 36 lông cò trắng kết thành.

Đức Cao Thượng Phẩm giải thích về Long Tu Phiến như vậy:

«Long tu phiến là cây quạt do điển khí của Tam Thập

Lục Thiên kết thành, quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của quần linh. Chơn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập cực lạc thế giới.

«Trái lại, chơn thần nào luyện ái tà mị thì phải lánh xa, mà đi lần đến U minh cảnh giới. Cả cờ «thu» và «xuất» của Long tu phiến với chơn thần đều do luật đồng khí tương cầu mà thành tựu»

Vì lẽ đó mà bà Tư truyền rao trong giới công quả, ai có lòng cò trắng đem hiến với 2 điều kiện là: 1/ Lòng cò lỵ (tự chết), 2/ Lòng cò nuôi chớ không được bắn giết. Sau đó, có người Tà Mun đem tặng Bà Tư 18 lòng cò trắng. Anh ta thưa với bà Tư:

– Cây dậu trước nhà tôi, cách tháng nay có cặp cò đến ở. Bỗng nhiên, hôm qua con cò trống giãy chết. Tôi chỉ lựa được 18 lòng tốt, còn những lòng khác lem luốc không lấy được.

Hôm sau, vợ anh đó lại đem đến cho bà Tư 18 lòng cò mái. Chị ta nói:

– Tôi nghiệp đời vợ chồng nhà cò quá. Làm ổ chưa đẻ đã chết. Tôi chôn cả hai xác dưới góc dậu, chớ không dám ăn thịt vì chim sa cá lỵ linh hiển lắm.

Ngày đêm hôm đó, bà Tư thấy cậu Cao Quỳnh An về thăm có dẫn theo người bạn gái có cái mũi thật cao. Cậu An nói:

– Thưa mẹ, con xin trả lại xương cốt cho mẹ và xin ba giúp đưa con vào cõi Cực Lạc.

Nghe đến đó, bà Tư giựt mình, mồ hôi ướt đẫm. Bà nhủ thầm, nhớ lời dặn của Đức Cao Thượng Phẩm: “*Ấu*

cũng là số kiếp. 18 lông cò trống tượng trưng cho cơ thu thuộc dương, 18 lông cò mái tượng trưng cho cơ xuất (đẩy) thuộc âm. Đạo Đức Kinh có viết “Nhất âm, nhất dương chi vị Đạo”. Ta thuộc chi Đạo, như vậy là hợp lẽ thiên liêng”.

Điều đó chứng tỏ ngay cả bà Tư cũng chưa thấu hiểu cơ huyền vi trong 36 lông cò trắng gồm có 18 lông dương và 18 lông âm.

Vào năm 1949 sau ngày lễ xuất quân, một nữ thư ký đến hỏi bà Tư:

– Thưa bà, bà dạy con cái quạt chỉ có 36 lông cò, sao mấy ông quân đội bông mỗi mặt tới 36 lông.

Bà Tư ôn tồn đáp:

– Nếu lông cò tượng trưng một mặt 36 lông có thì không sao.

– Dạ tới hai mặt. 72 lông cò.

– Như vậy, ta đã cầu thất thập nhị địa sát tới rồi. Họ sẽ nhập vào tướng tá mà quấy nhiễu khó lường trước được.

Bà Tư âu lo. Sau đó ít lâu bà lên trình với Đức Hộ Pháp xin đưa quân đội ra khỏi nội ô mà vẫn không tránh khỏi nạn phản thầy trừng đạo do tướng Nguyễn Thành Phương cầm đầu.

9. CÔ ĐOÀN NGỌC QUẾ

Đại kỳ công trong việc khai sáng nền Đại Đạo, có lẽ không vị nào sánh kịp cô Đoàn Ngọc Quế.

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh), tên thật của cô là Vương Thị Lễ, nhưng tầm nguyên còn nhiều bí hiểm hơn nữa. Kiếp trước cô là một công chúa con một

vị vua bên Tàu, nhưng vì: “*Ngõ trau duyên vào ngọc các; nào dè phải nợ xuống tuyến đài*”, nên còn vương bụi hồng trần phải tái sanh vào gia đình Tổng đốc họ Vương ở Việt Nam. Nhưng vẫn không tròn câu tình ái.

Khi cô mang bệnh nặng. Gia đình rước bác sĩ thuốc thang cho cô và có hứa: Nếu trị lành bệnh sẽ gả cô cho bác sĩ. Nhưng vì không phải duyên nợ, cô biết rõ được việc ấy, nên lúc bác sĩ đến săn sóc cho cô; cô uất lên mà chết.

Vào năm 1925 (10 – 6 – Ất Sửu), ba ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn tại nhà ông Sang. Sau khi cầu cái bàn lay động một cách khoan khai, dịu dàng như một tiên nữ. Quả đoán không sai một linh nữ giáng đàn cho bài thi:

THI

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài
Những ngõ trau duyên vào ngọc các
Nào dè phải nợ xuống tuyến đài
Dưỡng sinh cam lộ tình sông núi
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai
Đồn dập tương tư quân một gánh
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?*

KÝ TÊN: ĐOÀN NGỌC QUẾ

Đó là bài thơ đầu tiên cô Đoàn Ngọc Quế ban tặng quý ông để dẫn dụ vào con đường tâm thầy học đạo. Cũng đêm đó, ba ông hỏi cô bịnh chi mà chết, cô cho bài thi như vậy:

Trời già đành đoạn nợ ba sinh

*Bèo nước xẻ hai một gánh tình
Mấy bữa nhẩn mày lăm chúc quý
Khiến ôm mối thắm tại Diêm đình*

*Người thời Ngọc mã với Kim Đàng
Quên kẻ dạ dày mối thắm mang
Minh dặn lấy mình, mình lại biết
Mặc ai chung hưởng phận cao sang*

Hai bài thơ này đúng với điều đã dẫn trên. Ba ông vẫn chưa rõ ngọn nguồn, nhưng vì thấy bài thơ tình tú hay nên họa vịnh.

1-

*Ngẩn bút hòa thi túi phận ai
Trời xanh vội lấp nữ anh tài
Tình thắm một gánh con đường thế
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài
Để thắm xuân đường như ác xế
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai
Hiềm gì chưa rõ đầu đuôi thế
Ngẩn bút hòa thi túi phận ai*

PHẠM CÔNG TẮC

2-

*Rặng liễu khóc oanh có mấy ai
Mộ người quốc sắc đấng thiên tài
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các
Xót bạn tri âm cõi dạ đài
Ngàn dặm hoa trôi sâu cụm trước*

*Một mộ cỏ lảng ủ nhành mai
Cửu tuyền hôn Quế linh xin chứng
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai*

CAO QUỲNH CƯ

3-

*Nửa chừng xuân gãy tử thân ai
Nông nổi nghê thôi tiếc mấy tài
Ngọc thốt dám bì trang tảo kiệt
Vàng rơi riêng chạnh khách chương đài
Những ngờ duyên thắm trao phòng bích
Hậu nổi xương tàn xử dậu mai
Mật dầy đồng tâm bao thuở nổi
Nửa chừng xuân gãy tử thân ai*

CAO HOÀI SANG

Rồi ông Cư hỏi cô Đoàn Ngọc Quế:

- Hỏi còn tại thế xứ ở đâu?
- Ở Chợ Lớn, cô đáp.
- Cô học ở đâu?
- Học trường đầm.

Hôm sau, ba ông mời cô Đoàn Ngọc Quế đến dạy làm thi và hỏi việc ở cõi vô hình. Vì đó, cô bố trí cho các ông ham việc Đạo. Cứ đêm đêm ba ông đều cầu cô giảng, nhưng khi thì cô giảng, khi thì các đấng giảng.

Về sau chỉ mỗ cô, các ông tìm được càng tin hơn. Cô gọi ông Cư là anh cả, ông Tắc là Nhị ca, ông Sang là Tam ca, cô là Tứ muội.

Vào hạ tuần tháng 7 – Ất sửu (1925) ba ông xây bàn

cầu cô dạy thi văn, nhưng rất lạ, một đấng giáng xưng là A, Ẫ, Ầ cho bài thi dưới đây:

THI

*Ớt cay, cay ớt gặm mà cay
Muối mặn 3 năm muối mặn dai
Túng lú đi chơi nên tấp lại
Ấn bòn chẳng chịu tấp theo ai*

Đấng A, Ẫ, Ầ tức Đấng Chí Tôn giáng hiện lần thứ nhứt. Đó là công lao của cô Quế dẫn dắt các tiên dân đến đường khai Đạo Cao Đài. Cô lại đưa dân các ông làm quen cô Hồn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương... trong hàng Cửu Vị Tiên Nương và biết rõ cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Điều Trì Cung. Vào ngày 13-1-1926, Thất Nương giáng cho các ông một bài thi:

THI

*Người vô tình, kẻ bạc tình
Ba anh chẳng nghĩ tình đồng thính
Đặng chim trách kẻ toan quên ná
Buồn bực cho đây vẫn một mình*

*Thử lòng tri kỷ đó mà thôi
Tương ngộ có hơn bảy tháng trời
Yêu mến một lòng đây rõ biết
Thì chung đầu để hổ cùng lời*

Các ông trách cô trước đây không nói rõ ông A, Ẫ, Ầ là ông trời, là Thượng đế mà cứ lừa dân đi sâu vào đường Đạo. Cô biết rõ nhưng không dám tiết lộ thiên cơ vì Thiên đình sắp đặt như vậy.

Năm 1928 Thất Nương giảng cho đôi câu liễn ở Thảo Xá Hiền Cung như sau:

*Thảo Xá tùy như ngư muội bản cùng nghinh nhập thất
Hiền cung trạch khách thông minh phú quý cấm lai môn*

10. HUYỀN DIỆU CƠ BÚT

Vào lúc mới khai Đạo, người ta chưa trọn lòng tin nơi cơ bút. Hết người này thử đến người kia thử. Thậm chí những người gọi là đồng tử cũng chưa trọn tấc lòng tin. Ngay cả vị mà ngày nay được suy tôn sư tổ làng cơ bút đã phát biểu: “*Bản Đạo nhớ lại hồi buổi ban sơ mới khai đạo, Bản Đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Bản Đạo nghe nói Tiên giảng đi theo nghe Thi chơi*”. (P.H.P ngày 17-8-Quý Tỵ).

Ngài phò cơ với Đức Cao Thượng Phẩm nên thường cho Đức Cao Thượng Phẩm bày trò viết ra văn vẽ. Đức Cao Thượng Phẩm rất tức nhưng khó trả lời được. Một hôm tại chùa Vĩnh Nguyên Tự, cây cơ treo lên tường bỗng nhiên rung chuyển, Đức Cao Thượng Phẩm mới kêu ngài mà chỉ và nói:

– Tám, coi cây cơ qua đây hay nó tự chuyển?

Ngài cười mà không đáp và cơ tự chuyển như vậy chắc chắn có các đấng muốn giảng đàn dạy việc.

Ông Lê Văn Lịch, chủ chùa đến bảo mấy ông rằng:

– Căn phòng này có ma, không ai dám nghỉ, hai ông có thể dọn sang phòng khác.

Nghe thế, Đức Hộ Pháp mới đi vòng quanh quan

sát căn phòng. Bất chợt ngài thấy một cây cột bị mối ăn lam nham. Ngài đến gần trông kỹ thì thấy có 4 đầu hình người quen thuộc. Ngài mới gọi Đức Cao Thượng Phẩm đến và bình nghị. Mối hay hình trên cùng là Đức Thượng Sanh, hình kế là Đức Cao Thượng Phẩm, hình có khôi giáp là Đức Hộ Pháp, hình cuối là Đức Giáo Tông Ngô Văn Chiêu.

Nên các ông chẳng chút sợ hãi và nghị luận tại phòng đó. Ông Lê Văn Lịch ngạc nhiên hỏi, hai ông mới chỉ cho ông Lịch coi các hình. Ông Lịch lòng còn nghi. Khi Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn (tức ông Lê Văn Tiếng, thân sinh ông Lịch) giảng cơ bảo ông Lịch đến lấy quyển ống trên ghế thờ đọc lời di ngôn của Ngài: *“Tôi xin dâng đệ tử (tức Thái Lão Sư Trần Văn Thụ sau sắc phong Ngọc Chuông Pháp) và con tôi (tức ông Lịch sau sắc phong Ngọc Đầu Sư) cho nên Đạo mới”*. Nhờ đó, ông Lịch mới thật sự tin theo Đạo.

Một đàn cơ khác tại Thánh Thất Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức) vào năm 1940, sau khi Đức Thượng Đế giảng, thì một vị hầu đàn (Chủ tịch Hội Phật Học trú danh ở miền Nam) liền quỳ xuống dâng lên một cái khai (mật số) trong đó viết 6 chữ; *“Nam Mô A Di Đà Phật”* và cầu ơn trên minh rõ cái số ấy.

Đại Ngọc cơ chuyển động và viết: *«Thập nhị tòng lục»*.

Người dâng số nói lớn: *«Trật»*. Đại Ngọc cơ chậm rãi viết:

– Thầy cho phép con khai các mật khai ấy và đọc lớn

lên cho cả đàn cùng nghe.

Vị đó tuân lệnh, lấy làm đặc ý và đọc lớn: «*Nam Mô A Di Đà Phật*»

– Con đếm xem mấy chữ?

– 12 chữ

– À, 12 chữ ngày hôm nay là do 6 chữ xưa kia mà ra. Trật chỗ nào?

Vị trên liền sụp xuống lại và xin lỗi.

Trong đàn cơ hôm đó, có tả quân Trần Văn Thành hầu chứng kiến đã được Đức Lý Thái Bạch thân làm môn đệ từ mồng 7-01-Đinh Mão (1927) tại chùa Gò Kén như sau:

TRẦN VĂN THÀNG

Thàng lòng từ bất phép tình ma

Trời Phật không thông với lũ tà

Khá mượn gương Tiên hình thể tục

Đưa thuyền Bát Nhã khỏi vòng la

THÂU: (Bà HƯƠNG HIẾU, ĐẠO SỬ II, TRANG 215).

Sau khi học cơ bút với Ngài Trương Hiến Pháp, TVR và NLT phò loan được nội tổ giảng cho bài tứ tuyệt:

Kiếp trước dụng tu được buổi nay

Nội khuyên cháu ráng giữ lòng ngay

Huệ thông đạt pháp diu sanh chúng

Viết sách truyền lưu nối Đạo Thầy.

Trần Văn Thàng Tả quân của Thân Hoàng Trần Văn Xương. Trong bài thi, Đức Lý đã tiên tri Trần Văn Thàng thân trong Ban Chư Thân bảo vệ Toà Thánh mà Trần Văn Xương là Thượng Đẳng Thân (trong quyển Bát

Đạo nghị định, Trần Văn Xương là giảng cơ trước tiên nói lên ý này). Còn tá quân Trần Văn Thành được Đức Lý cho mượn gươm tiêu trừ tà ma “*Bình thế tục*” để “*đưa thuyền Bát Nhã*” khỏi vòng vây cô hồn. Như vậy, nhiệm vụ của tá quân là bảo vệ các thuyền Bát Nhã đưa linh cửu đến Cực Lạc thổ an toàn.

Trong buổi đầu khai đạo rất nhiều huyền nhiệm. Tiếc rằng, sự mâu nhiệm đó kéo dài không được lâu.

11. ĐỀN THỜ PHẬT MẪU TƯƠNG LAI

Báo Ân Từ nằm trên Đại lộ Phạm Hộ Pháp hiện nay chỉ là Đền Thờ Phật Mẫu tạm. Đền Thờ chính định cất trên khoảng đất rộng 4 mẫu, trước cửa Hòa Viện (cửa số 1) lộ Bình Dương Đạo (Đại lộ Phạm Hộ Pháp nối phần ngoại ô Tòa Thánh). Vào năm Nhâm Thìn (1952) nhân dịp sửa chữa lại Báo Ân Từ tạm gọi là nơi thờ Phật Mẫu, Đức Hộ Pháp có chỉ vẽ các công quả thợ hồ đắp các pho tượng sau:

- 1- Trên hết đắp chơn dung Đức Phật Mẫu cõi thanh loan
- 2- Dưới đắp 9 pho tượng của Cửu Vị Nữ Phật
- 3- Liên tiếp đắp 4 vị Nữ nhạc hầu Đức Phật mẫu là Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến và An Phát Trinh
- 4- Tượng Đông Phương Sóc nhà văn học đời Hán biết nghe tiếng chim quỳ nâng 4 quả đào tiên
- 5- Tượng Đức Cao Thượng Phẩm quỳ trước sân Hoa Điện cổ tự.

Đức Hộ Pháp dạy về việc đắp chơn dung như sau:

“Hình của Đức Phật Mẫu đắp theo hình chúng cộ bóng Cửu Nương lần đầu tiên, vào tháng 8–Đình Hội Thầy đã chỉ cho Chí Thiện Trạch, Trần Phong Lưu và Tá Lý Kia cất giữ coi theo đó mà làm mẫu. Hồi đó mượn bức tranh của bà phối sư Hương Hiếu và sự tích đời Hán Võ Đế bên Tàu.

Đức Phật Mẫu có từ thuở khai thiên do khí âm dương tạo thành, có quyền năng vô đối, vô biên, vô lượng cũng như Đức Chí Tôn, hữu hữu, vô vô, nắm trọn bí pháp nhiệm mầu của càn khôn vũ trụ. Chớ không phải là bí pháp biến thành thể pháp do hiện tượng sự tích đời Hán Võ Đế”. Đó chỉ là mượn ý tạc hình, chớ Phật Mẫu vốn vô vi.

Thanh Loan là chim lịnh của Đức Phật Mẫu, luôn báo tin trước nơi nào có Đức Phật Mẫu giá lâm, hay chu du càn khôn thế giới.

Theo nhà điều học Nhật Bản Hachisuka đã viết về hai thứ chim mà Trung Hoa và Nhật bản gọi là phượng (trống) và loan (chim mái): «Vì sự tương tự nhau, người ta thường lầm hai thứ chim phượng và loan. Thật sự phượng là giống chim thanh cao, ưa thích âm nhạc tượng trưng cho điềm lành, giống chim này chỉ xuất hiện để báo hiệu Thánh nhân ra đời, nên phụng gáy kỳ sơn thì Văn Vương ra đời. Loan cũng là giống chim ngũ sắc nhưng sắc xanh nhiều hơn. Con chim phụng lông cũng ngũ sắc nhưng sắc đỏ nhiều hơn.

Đức Phạm Hộ Pháp nói về việc cầu Phật Mẫu của Hán Võ Đế như sau:

“Tiết Trung thu, năm tháng 8 năm Ngọ, đầu giờ Tý, vua Võ Đế quỳ trước chùa thành tâm cầu khẩn. Đúng 12 giờ thanh loan đáp trước sân Hoa điện. Vua thỉnh Đức Phật

Mẫu ngự tại chánh điện.

Đức Phật Mẫu dạy 4 vị nữ nhạc trao 4 quả đào tiên. Đông Phương Sóc và Hán Võ Đế quỳ rước lộc.” Sự tích đó lưu truyền đến bây giờ.

Việc tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm thay cho Hán Võ Đế, Đức Ngài: Giải thích:

“Nguyên căn của Hán Võ Đế là Hôn Chung Ly (trong hàng bát tiên) giáng sanh thành lập quốc gia. Kỳ hạ ngươn này, Đức Cao Thượng Phẩm cũng là chơn linh của Hôn Chung Ly tái thế lập thành quốc Đạo, nên tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm thuận hơn”

Còn tấm tường phía ngoài đối diện với các tượng của Cửu Vị Nữ Phật, thì Đức Ngài cho tạc hình Nam Bình-Dương Phật.

“Chùng nào có đền thờ Phật Mẫu thì Thấy cho biết không gì lạ. Vì Đền Thánh tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh tại thế, có hình Hộ Pháp mặc Thiên phục Khôi giáp; thì nơi Đền thờ Phật Mẫu tượng trưng Lôi Âm Tự, lẽ dĩ nhiên tạc hình của Ngài, nhưng không mặc Thiên phục, chỉ mặc áo cà sa mà thôi.”

“Từ lúc tay nắm đạo quyền” Đức Cao Thượng Sanh tiếp tục xây dựng để hoàn thành kiến thiết cơ bản. Ngài hoài vọng xây Đền Thờ Phật Mẫu, nên chấp bút học hỏi, được Bà Bát Nương dạy:

“Nơi nào trong vùng Đạo không là Thánh Địa? Sân đình núi Bà, phần đất gần Hàm phong cạnh cửa số 7 Nội ô, đều có thể chọn xây Đền mới được”

Vì theo Đức Cao Thượng Sanh, phần đất trước cửa

Hòa Viện ngày nay nhơn sanh ở dày đặc, khó giải tỏa, nên Bà Bát Nương giảng dạy như trên và còn cho biết kích thước Đền thờ mới như sau:

Về kích thước bằng kích thước Đền Thánh về các Đài thì tổng hợp giữa Đền Thánh và Báo Ân Từ, nghĩa là mặt tiền Đền Thờ Phật Mẫu giống như Báo Ân Từ, có khác hơn: Đài giữa gọi là Lôi Âm Tự cao bằng lầu chuông, trên đỉnh có 3 vòng Tam Thanh. Ngược lại hai đài hai bên thì thấp hơn 6 thước mà hình trụ cụt giống như lầu chuông bị cắt ngang (xem hình). Đài bên trái xây vườn Ngạn Uyển hình mặt nhật, bên phải xây Ao Thất Bửu hình mặt nguyệt (bên phái nữ). Bốn góc có 4 hình trụ, đỉnh hình cầu giống như đèn Hối giáo (xem hình).

Vườn Ngạn Uyển phải trồng đủ 12 sắc hoa tượng trưng 12 con giáp. Ao Thất Bửu phải cần đủ 7 loại báu quý: Pha lê, xà cừ, châu, ngọc, vàng, bạc, đồi mồi.

Ở mặt sau, nơi thờ Phật Mẫu cũng xây Đài Bát Giác như Bát Quái Đài, nhưng gọi là Tạo Hóa Thiên hành khiến Bát hỗn vận chuyển hóa thành chúng sanh, trên đỉnh có tượng Tam Thánh Bạch Vân Động là Thanh Sơn Đạo sĩ, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và Tôn Trung Sơn. Bên ngoài là hình bát giác có 8 chữ Hán: Thạch, Mộc, Thú, Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật, bên trong nội tiếp đường tròn (hình trụ trơn) chữ vòng vô vi của Phật.

Toàn thể bên ngoài sơn toàn một màu trắng. Màu Đạo, khi các con về châu Mẹ đều mặc đồ toàn trắng trừ mái ngói đỏ, xung quanh không được vẽ hình chi. Bên trong Đền Phật Mẫu vẫn trần khiết cách thờ như cũ. Từ Nam Bình Dương Phật đến tượng Phật Mẫu phải có đủ 8 bậc tượng trưng Bát Cảnh Cung. Đền Thánh có 9 bậc

là Cửu Thiên khai hóa.

Tám vách sau lưng Nam Bình Dương Phật, tức mặt trước thì tạc tượng “*Thiên Cơ Chuyển hóa*” tức lấy sự tích trong 9 bài kinh Cửu mà Hội Thánh Phước Thiện đã vẽ và đã cho xuất bản.

Tóm lại, Đền thờ mới vẫn gọi là Đền Thờ Phật Mẫu mặt tiền có 3 lầu, cao nhứt là Lôi Âm Tự, hai bên có Ao Thất Bửu và Vườn Ngạn Uyển. Tám vách dưới Lôi Âm Tự có tạc tượng «*Thiên Cơ chuyển hóa*» (chỗ mà Đền Thánh tạc tượng Tam Thánh).

Cung thờ Phật Mẫu gọi là Tạo hóa Thiên, đối diện với tượng Phật Mẫu là Nam Bình Dương Phật.

Sau đó, Đức Cao Thượng Sanh giải thích thêm.

Khi Đền Thờ Phật Mẫu cất xong, việc thờ phượng dời đến cơ sở mới thì Báo Ân Từ được sắp xếp lại cho đúng chơn truyền.

Chỗ cũ thờ Phật Mẫu đắp một quả địa cầu sơn màu xanh, trên có đắp hình nước Việt Nam theo chiều dài sơn màu vàng. Tất cả nằm trên nền trắng hình chữ nhật. Ở dưới có đặt ghế thờ bài vị hoặc hình (không đối tượng), các hiền triết, các nhà bác học, các bậc vua chúa có công với nhân loại. Vì tất cả chúng sanh đều do Đức Chí Tôn phân tánh giáng sanh, tuy họ có lập trường có chủ nghĩa khác nhau. Đó chỉ là luật mâu thuẫn để tiến hóa, như có kẻ ác mới rõ người thiện, không có mâu thuẫn đấu tranh thì xã hội không tiến bộ.

Bên trên nền trắng để 4 chữ màu đỏ: «ĐẠI ĐỒNG CHI PHÁP» đó là tôn chỉ của Đạo Cao Đài: Đại Đồng Thế giới do luật pháp Thiên triều đã qui định.

Bên gian trái trên nền trắng đề 4 chữ Hán: «*HÁI NGOẠICHITHỂ*» để thờ chơn linh các bậc Thánh nhân, hiền triết, anh hùng nước ngoài. Các chức sắc chi thể cũng được thờ nơi đây khi đã qui vị.

Bên gian phải, trên nền trắng đắp 4 chữ Hán: «*QUỐC NỘICHIDẠO*» đó là mục đích của Đức Chí Tôn lập nền quốc Đạo buổi đầu. Gian này thờ các nhà cách mạng, chiến sĩ vô danh, các anh hùng hào kiệt nước Việt Nam, các chức sắc chi Đạo cũng được thờ nơi đây khi đã qui vị.

Báo Ân Từ (có tượng Nhị Thập Tứ Hiếu) là nơi vẫn trần thiết các lễ như từ trước tới nay thuộc quan, hôn, tang, tế hoặc các ngày giỗ chung v.v...

Đức Phật Mẫu đã dạy: «*Đạo chia ra ba chi: Thế, Pháp, Đạo. Minh tu cho đúng theo luật, chúng sanh ca tụng công đức là mình đắc thế. Hễ đắc thế thì phải tâm pháp. Nếu hành pháp biến linh thì đắc đạo, nhập cõi Niết Bàn*»

Về việc tiếp nhận Kinh Đức Phật Mẫu thì Đức Hộ Pháp giảng như sau:

“Kinh Phật Mẫu cho tại Kiêm Biên (Cao Miên) với Báo Ân Đường của Thừa Sứ Huỳnh Hữu LợiBản Đạo đến nhằm lúc cúng vía Đức Phật Mẫu. Bát Nương đến cầu cơ viết có nhiều người làm chứng. Các Đạo hữu và một người không biết Đạo là gì. Đó là ông Hiếu ngồi trước sân chơi. Họ thấy từ phía đều có hào quang giáng hạ, xẹt xuống Báo Ân Đường. Tôi chùng tròn bài kinh rồi cả thấy (người ngoài sân) đều nói không biết cái gì xẹt khi nãy xẹt qua xẹt lại, không dè trong nhà (Báo Ân Đường) đương phò loan.”

Như vậy, Phật Mẫu chơn kinh do chính Bà Bát Nương giáng cơ cho tại Cao Miên.

12. THÁNH LÂM PHÀM

Đoạn trần kiều vào ngày trẩy hội Giáp Ngọ (1954), xe cộ nối đuôi, người người chen chúc tiến về Thiêng Thiên Thọ qua cầu đoạn nợ trần về Cung Trí Huệ. Cầu Đoạn Trần làm bằng gỗ, trước Hi động (Trí Huệ Cung), trên cầu có cất nhà thủy tạ. Trên nóc nhà đắp một con hạc có hai người cỡi: Vân Trung Tử và Tôn Vô Tử. Đức Hộ Pháp dạy về việc này như sau:

“Đắp con hạc ngộ về Trí Huệ Cung trên lưng có 2 người cỡi là Vân Trung Tử và Tôn Vô Tử. Ấy là thể pháp tượng trưng rước khách phàm nhập Thánh. Mấy con lại làm con hạc quay đầu trở ra (hướng Thiên Thọ lộ, như vậy là chở người Thánh lâm phàm)

“Mấy con làm lỡ rồi, đầu sửa lại cũng không được. Việc này Thiêng Liêng khiến vậy. Ấu cũng là phương cách tượng trưng bậc tu hành đều lâm phàm mà thẳng nối cái phàm mới là Tiên, Thánh; bằng chẳng được, phàm vẫn là phàm”

Vân Trung Tử là thầy học của Tôn Vô Tử. Tôn Vô Tử hay Tôn Tử, người đời Xuân Thu (Trung Hoa) đứng vào hàng Chư tử, sanh ở núi La phù, thao lược tinh thông. Tuy còn nhỏ mà đã soạn được bộ sách binh pháp gồm 13 thiên: Thủy kế, Tác chiến, Mưu công, Quân hình, Bình thế, Hư thiệt, Quân tranh, Cửu biến, Hành quân, Địa hình, Tụ địa, Hỏa công, Dụng gián. Toàn là những thuật dùng binh, làm căn bản cho những nhà tướng xưa nay trong cõi Á Đông. Ông làm Thượng Tướng quân cho Ngô Hạp Lữ, giúp Ngô đánh Sở. Khi giặc yên, ông trở về điển viên lấy chữ thanh nhàn tiêu dao ngày tháng.

Còn hạc tượng trưng đạo Tiên là một loài chim giống

như cò nhưng không có mồng. Chim hạc tượng trưng cho sự thanh cao nhàn hạ. Có nhiều giống hạc, thứ quý là hạc đỏ đầu. Hạc cao 3 thước, mỏ chân cổ đều dài, mình toàn sắc trắng, bay lượn rất nhanh, tiếng kêu thật lớn. Tương truyền hạc sống lâu đến 1.000 năm.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng về hai Thầy trò họ Tôn như sau:

«Xưa kia Tôn Vô Tử tìm thầy học Đạo Tiên đã thoát tục. Ngày nọ hai thầy trò cỡi hạc vân du ngoạn mục, Vân Trung Tử nhủ rằng: Đi ngang qua chợ Thiên Vương là cảnh cũ của con, nếu lòng con còn tưởng nhớ thì con hạc bay không nổi, rồi con phải trở lại phàm không về cùng thầy được.

Nhưng Tôn Vô Tử đạt phẩm Nhơn Tiên, mà tránh không khỏi bợn phàm, nên khi con hạc bay qua chợ Thiên Vương, thấy cảnh xưa động lòng ngậm ngùi, con hạc liền đáp xuống. Vân Trung Tử biết học trò còn nhiễm phàm liền dang vân về động. Tôn Vô Tử một mình ở lại chợ Thiên Vương đi tìm quê xưa, chỉ thấy chòi tranh ủ dột, người vợ xưa tuổi già quá 70, muốn tạo một sự nghiệp đời thì đã muộn. Đành cam nhịn lối Đạo lỡ đời, ấy vì chẳng chịu nghe lời thầy.

«Con hạc bay về chợ Thiên Vương (nay là chợ Trường Lưu thuộc xã Trường Hòa) là gương sáng cho các bậc chơn tu, phải cố gắng giữ lòng thanh bạch, dầu có sống lẫn lộn nơi phàm thế mà không nhiễm mới được? Đó cũng là phương chọn lọc phàm Thánh»

Một số Tiên Phật lâm phàm trong Kỳ Ba là:

Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ)

ngươn linh là Từ Hàng Bồ Tát – Tâm nguyên thì Phật Từ Hàng tu đắc Đạo ở Phổ Đà Sơn, “*Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng*” tức Quan Âm Bồ Tát.

Còn bà Đầu sứ Lâm Hương Thanh (Lâm Ngọc Thanh) ngươn linh của Long Nữ. Long Nữ vốn là em Đệ Tam Thái tử con vua Long Vương hóa cá dạo chơi, bị vướng phải lưới ông chài. Đức Quan Âm sai Thiện Tài Đồng tử hóa thường nhơn đến mua cá đem ra Nam Hải thả. Nam Hải Long Vương cảm ơn đức, sai con gái là Long Nữ đem tặng Đức Quan Âm một viên ngọc chiếu sáng cả ban đêm. Long Nữ cảm phục quyền năng của Đức Phật nên xin qui y và làm đệ tử Đức Quan Âm. Vì thế ta thấy ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Hương Thanh là đôi bạn đời với nhau vì tiền kiếp đã định.

Sau cùng, cũng nên biết ngươn linh của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là Ngự Mã Thiên Quân tức người đánh xe (ngự là đánh xe) của Ngọc Đế giáng trần làm Hộ Pháp cầm cây Kim Tiên còn cây Giác Ma Xử trần ở Thiên môn.

13. BÁT TIÊN GIÁNG TRẦN

Việc chi trên cõi tuần hoàn này cũng do Thiên thơ định sẵn. Lúc mới thâm môn đệ đầu tiên, Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cho Ngài Ngô Minh Chiêu thấy cảnh Bồng Lai để ham Đạo mà trọn tu, làm người nhơn chứng thứ nhứt trong Đạo. Chính cảnh Bồng Lai báo hiệu cho Bát Tiên lâm phạm lập Đạo cứu đời.

Vào đêm 17-6-Quý Hợi (30-7-1923) tại Miếu Nổi, Tào Quốc Cựu giáng cơ khuyên tu như sau:

“Chư nhu có phước có duyên nên mới gặp Đạo ở kỳ thứ ba. Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ. Tiên Thánh đều

lâm phạm mà độ kẻ nguyên nhân” (Đại Đạo Căn Nguyên, trang?)

Miếu Nổi nằm trên cồn đất độ trăm thước ở giữa sông Bến Cát, một nhánh của sông Bình Lợi (Gia định).

Theo sách Tử Nguyên và Quảng sự Loại, Bát Tiên là những người phạm tu thành Tiên. Kể thứ tự như sau:

- | | |
|-------------------|------------------|
| 1. Lý Thiết Quả | 5. Lam Thể Hòa |
| 2. Chung Ly Quyền | 6. Hà Tiên Cô |
| 3. Lữ Động Tân | 7. Hàn Trương Tử |
| 4. Trương Quả Lão | 8. Tào Quốc Cửu |

Trong Kỳ Ba giáo đạo này, Bát Tiên lâm trần phổ độ chúng sanh với thi phạm xác thật là:

- | | |
|-------------------|--------------------|
| 1. Lê Văn Trung | 5. Thái Bính Thanh |
| 2. Cao Quỳnh Cư | 6. Nguyễn Hương Hồ |
| 3. Cao Hoài Sang | 7. Vương Quan Kỳ |
| 4. Ca Minh Chương | 8. Ngô Văn Chiêu |

1. LÝ THIẾT QUẢ:

Người đất Giáp, sinh đời nhà Tùy, tên là Hồng Thủy, tiểu tự Thiết Quả (hay Quấy). Người khôi ngô, tu luyện ở Nham Động. Trước khi đi học với Lão Tử, Thiết Quả dặn đệ tử: “Xác ta ở đây, hôn ta đi trong 7 ngày. Sau thời gian đó ta không về thi hủy xác”. Mới 6 ngày, mẹ bị đau, người học trò vội hủy xác Thầy. Lý Thiết Quả xong việc trở về, không thấy xác, nên nhập vào tử thi của một kẻ hành khất. Do đó, Lý Thiết Quả có chân què, vẻ mặt và thân hình xấu xí, tay cầm bầu rượu.

Ông LÊ VĂN TRUNG (1876 – 1934) có ngôn linh

của Lý Thiết Quả. Hai vị này có điểm giống nhau là cứu độ người. Người Chợ Lớn sinh ra trong một gia đình Nho phong. Ông rất thông minh năm 17 tuổi đã được bổ vào ngạch Thư ký Soái phủ Sài Gòn. Năm 1906, ông đắc cử Hội Đồng Quản Hạt. Năm 1911, ông đề xướng trường Nữ Học Đường, được Bắc Đẩu Hội Tinh.

Được Đức Cao Thượng Phẩm phổ độ, ngày 6-10-1925, ông từ chức Nghị viên để phở đời hành đạo. Ngày 23-4-1925 đắc phong Đâu Sư, thánh danh Thượng Trung Nhựt. Ngày 03-10-Canh Ngọ Đức Lý Giáo Tông ban cho Ngài chức Quyền Giáo Tông hữu hình.(1930).

Sau cơn bệnh nhẹ, Ngài vĩnh du Tiên cảnh vào ngày 13-10-Giáp Tuất (19-11-1934), liên đài được xây tháp phía sau Bát Quái Đài Toà Thánh. Tính từ ngày Khai Đạo (19-11-1926) tại Gò Kén đến ngày Đức Ngài qui tiên đúng 8 năm không thừa không thiếu một ngày. Điều ấy đúng vào con số Bát Tiên mà Ngài là người đứng đầu và trên cả chúng sanh.

Đức Phạm Hộ Pháp đề thơ (1949) như vậy:

*Bầu linh, gậy sắt quấy du Nam,
Nương bóng Từ Bi đến cõi phàm...
Bảy bạn, ai còn nơi cõi thế,
Đông du xin nhắc chuyện ông Lam.*

2. CHUNG LY QUYÊN:

Chung Ly Quyên, tự Vân Phòng, người đất Hàm Dương, làm tướng đời Hớn, nên còn gọi là Hớn Chung Ly. Chung Ly râu dài, mặt sáng, mình cao tám thước nên được vua Hớn phong làm Nguyên soái đi đánh quân Phiên. Lý Thiết Quả thấy Chung Ly ham chinh chiến nên khiến

cho thất trận chạy lạc vào núi gặp đệ tử ông Đông Huê. Ông ấy mời cơm chay rồi nói: *“Công danh như bọt nước, phú quý như đèn trước gió. Thừa dịp này, tướng quân nên đi tu, ham chi phú quý.”*

Chung Ly hỏi: *“Luyện phép chi được sống lâu?”*

Đông Huê đáp: *“Trống lòng là đừng lo chi cả, đặc bưng là không đăm mê sắc dục, lo gì không trường thọ.”*

Chung Ly Quyền xin thọ giáo. Sau gặp Chính Dương Chơn Nhơn truyền thêm phép Tiên và đặc đạo. Tay cầm cây Long tu phiến.

Ông CAO QUỲNH CƯ (1887-1929) có người linh của Chung Ly Quyền. Hai vị này có điểm giống nhau là tâm tu. Ông sinh trong gia đình Nho phong ở Hiệp Ninh (Tây Ninh).

Trong thời kỳ làm Thơ ký Sở Tào Tác tại Sài Gòn, ông thường cùng các bạn họp xây bàn 2, được Đấng A Ồ Ồ giảng đàn cho thi. Sau được Đức Phật Mẫu và Thất Nương hướng dẫn vào đường đạo.

Ngày 23-4-1925, ông thọ phong Thượng Phẩm, sau khi lập bàn Vọng Thiên cầu Đạo (1-11-Ất Sửu). Ngày 7-10-1926 lập tờ khai Tịch Đạo với chánh phủ Pháp. Ngày 18-11-1926 (14-10-Bính Dần) thiết Đại Lễ Khai Đạo tại Từ Lâm Tự. Ngài phò cơ viết ra Bộ Pháp Chánh Truyền thành lập Hội Thánh.

Năm 1928, Ngài bị khảo đảo, sau khi Thánh Thất dời về chùa mới ở làng Long Thành. Quá đau lòng, Ngài lâm bệnh và qui Tiên (1-3-Kỷ Tỵ) tại Thảo Xá Hiền Cung, liên đài được xây cánh trái trước Toà Thánh.

3. LỮ ĐỒNG TÂN:

Lữ Đồng Tân tên là Nham, tên chữ là Động Tân, thuộc gia đình vọng tộc đời Đường.

Ông mắt phụng, mày tằm tay dài như vượn, cổ cao, mũi thẳng, xương gò má nhô lên, thích ăn mặc như đạo sĩ. Năm 20 tuổi lấy hiệu là Thuần Dương, thi đỗ cử nhân. Khi đến Trường An, Lữ Đồng Tân gặp Chung Ly Quyền trong một quán trọ. Chung Ly muốn ông đi tu nên bày việc nấu nôi kê. Trong khi Lữ Đồng Tân ngủ mê, thấy mình thi đỗ Trạng Nguyên cập đệ, hai lần cưới con gái nhà quyền thế. Có sui gia, cháu nội ngoại đầy đủ. Con cháu đều đỗ đạt vẻ vang, hạnh phúc trong 40 năm. Sau bị nịnh thần vu oan, bị tịch biên gia sản và bị đày qua núi Lãn Biểu, cực khổ vô cùng, ông ôm mặt khóc rồi giựt mình thức giấc. Ông thấy Chung Ly Quyền còn nấu nôi kê chưa chín nên phá lên cười và nói: «*Huỳnh Lương do vi thực, nhất mộng đảo Hoa Tư*» (Nôi kê chưa chín, mộng đã đến nước Hoa Tư).

Rồi ông quay sang Chung Ly hỏi: *Ông biết tôi nằm mơ thấy gì không?*

Chung Ly đáp: *Chiêm bao 40 năm, công việc cả muôn mà không đầy giây lát. Việc được không đủ mừng, việc mất không đủ lo, nhưng có ý thức đại giác, thế gian này chỉ là giấc mộng lớn mà thôi.*

Lữ Đồng Tân nghe lời nói phải, giác ngộ, bèn lay Chung Ly Quyền và xin theo học phép Tiên. Sau Đồng Tân đắc đạo, tay cầm thư hùng kiếm.

Ông CAO HOÀI SANG (1900 – 1971) có ngươn linh của Lữ Đồng Tân. Hai vị này có điểm giống nhau thích âm nhạc.

Ông sanh trong gia đình đạo đức ở xã Thái Bình (Tây Ninh). Sau khi đỗ Thành Chung, ông vào làm việc ở Sở Thương Chánh Sài Gòn. Ông cũng ngộ đạo một lượt với ông Cao Quỳnh Cư và đắc phong Thượng Sanh (19-11-1926).

Ngày 16 – 7 – 1970, Ngài về hành đạo tại Tòa Thánh với danh vị Chương Quân Hiệp Thiên Đài. Ngày 21-1-1965, tạo Tư Cách Pháp Nhân cho Đạo và đưa Ban Thế Đạo vào vai trò nhập thế.

Sau cơn cảm nhẹ, lúc 17 giờ ngày 21-4-1971, Ngài triều Thiên, đắc vị Kim Tiên.

4. TRƯƠNG QUẢ LÃO:

Trương Quả Lão là con dơi trắng tu hành thành Tiên, làm bạn với Lý Thiết Quả, ở ẩn trong núi Trung Điền (Hàng Châu). Tên thật là Trương Quả, chữ Lão là già được người đời thêm vào.

Dưới đời Đường, niên hiệu Khai phong (713 – 733), Võ Hậu cho triệu về Kinh, nửa đường ông già chết. Đường Minh Hoàng nhiều lần đem sắc rước, ông mới chịu ra và được phong là Ngân Thanh Lộc Đại phu. Sau ông xin về ẩn dật trên núi, lấy hiệu là Thông Huyền tiên sinh, qui Tiên dưới đời Thiên Bảo (742 – 755).

Thật ra, thời nào người ta cũng thấy ông Tiên cuội lừa đó vì ông tự nói: “*Ta sinh năm Giáp Tý đời Nghiêu*”. Tay cầm cây gậy như một ông già (lão).

Ông CAMINH CHUÔNG (1864 – 1927) là một nhà cự học thâm nho, ở làng Mỹ Lộc (Chợ Lớn), có gương linh của Trương Quả Lão. Hai vị có điểm giống nhau đều sanh năm Giáp Tý và hay xuất hiện ở dương trần. (Ông

Chương xuất hiện dưới xác của Hồ Bảo Đạo).

Ông bản tính ôn hòa, khiêm cung, được tiếng là người con chí hiếu. Thêm vào lòng quảng đại thương đời, dân trong làng cử ông làm Hương Bộ. Ông cho mở trường học huyện Phước Lộc ở Bà Rịa.

Khi Đạo mới khai, Ngài phở đời theo Đạo và đặc phong Bảo Đạo. Người cao tuổi nhất trong Đạo lúc bấy giờ. Vì tuổi cao lại miệt mài với trách nhiệm thiêng liêng, Ngài đăng Tiên vào ngày 19-10-Đinh Mão (1927) (3) và giảng cho bài thi:

*Từ đây ra khỏi chốn nhơn gian
Thủy tú sơn tinh thích chí nhơn
Vì bởi lực căn lòng chẳng bợn
Cho nên mới đặng nhập Tiên bang*

5. LAM THỂ HÒA:

Lam Thể Hòa là ông Tiên bị đày đọa làm khách trần. Tính tình thuần hậu nhất trong Bát tiên.

Ông thích mặc áo rộng màu xanh, buộc dây lưng đen thật to, một chân đi đất, một chân đi giày. Mùa hạ mặc áo lót bông, mùa đông nằm trên tuyết. Thường ngày, ông cầm cặp sanh dài 3 thước ta, vừa đi, vừa nhịp ca ngoài chợ mà kiếm tiền bố thí cho người nghèo.

*Đạp ca Lam Thể Hòa
Thế giới năng kỷ hà?
Hồng nhân nhất xuân thu
Lưu quang nhất trịch thoa
Cổ nhân hỗn hển khứ bất phản
Kim nhân phân lai cánh đa*

*Triệu kỵ loan phụng cáo bích lạc
Mộ kiến tang điền sinh bạch ba
Trường cảnh minh huy tại không tế
Kim ngân cung khuyết cao ta nga*

Dịch ca:

*Nhịp chân ca Thái Hòa
Thế giới được bao lâu?
Nhan sắc như xuân cội
Thời hạn tựa thoi đưa
Người xưa không trở lại
Người mới đến quá thừa
Sáng cười loan trời thắm
Chiều dâng thành sóng xa
Không trung lâu đài sáng
Cung điện cao nguy nga*

Về sau, trong lúc uống rượu với Lý Thiết Quả nơi Hào Lương, bỗng trên mây có xe hạc, tiếng tiêu thanh thoát đưa hai ông bay bổng, trở về Tiên vị, tay ông cầm Giỏ Hoa Lam.

Phối sư THÁI BÌNH THANH tên thật Lâm Quang Bình (1873 – 1931) người Rạch Giá, là ngươn linh của Lam Thể Hòa. Hai vị giống nhau ở tánh tình thuần hậu, ý tứ từ hòa, thương người nghèo.

Ông được phong Giáo sư phái Thái ngay từ buổi đầu. Ông chưa rõ tự sự mới bạch rằng: Thừa thầy, Lam Thể Hòa mặc áo xanh, sao Thầy ban cho phái Thái (áo vàng). Địch Chí Tôn chuyển cơ viết: «Đó là bí pháp, con biết sao được».

Vai trò của ông trong việc xây dựng Toà Thánh cũng

rất lớn. “*Hộ Pháp, Thượng phẩm, nội trúa này phải cầm một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn, vào điện phò loan cho Lão vệ (khuôn viên Toà Thánh). Bình Thanh phải có mặt, còn kỳ dư không cho ai vào điện hết, nghe à!*”

6. HÀ TIÊN CÔ:

Hà Tiên Cô là người con gái mang họ Hà ở huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam, tên là Tổ Nữ, sinh vào đời Đường.

Thuở nhỏ, trên đầu có 6 xoáy, mọi người lấy làm kỳ. Năm 15 tuổi, cô xin cha mẹ đến ở Khe Vân Mẫu. Đêm nằm mộng thấy Tiên dạy ăn hột Vân Mẫu sẽ nhẹ mình và trường thọ.

Cô vội đi tìm hạt Vân Mẫu thì gặp Lý Thiết Quả và Lữ Đồng Tân đang hái thuốc. Thấy cô gần thành Tiên, Lữ Đồng Tân cho cô một quả Đào. Cô ăn mới nửa trái thì thấy không đói nữa, biết được mọi sự họa phúc, lành dữ trên đời. Mọi người cho cô là Thần Tiên, cất lều cho cô ở và gọi cô là Hà Tiên Cô.

Bà Vô Hậu nghe tiếng, cho người đến rước, đi được nửa đường, cô biến mất. Sau Lý Thiết Quả độ dẫn hai mẹ con cô đều thành Tiên. Tay Hà Tiên Cô cầm bông sen.

Hà Tiên Cô là ngươn linh của bà giáo sư Hương Hồ (Huỳnh Thị Hồ) con gái của bà Đầu sư Hương Thanh (Lâm Thị Thanh). Bà Bát Nương giáng đàn, bà Hồ có kinh nguyệt không lên lâu được nên Bà Bát Nương dạy:

THI

*Thân phận phàm nhưn trước đã dành
Chẳng vì nguyệt huyết kỳ anh Linh*

*Âm dương Nam Nữ hoa trêu bướm
Hòa ái tương sanh thủy nhập bình
Tạo hóa ví tay xây đánh trí
Chúng sanh nên mặt tạo khuôn hình
Thợ Trời đâu dễ chế đồ tạo
Tốt xấu sạch dơ tại miệng mình*

Đó là một quan niệm tiến bộ của nền Tân Tôn giáo.

7. HÀN TRƯƠNG TỬ:

Hàn Trương Tử sinh vào đời Đường, người huyện Nam Dương kêu Hàn Dũ (tức Xương Lê) bằng chú.

Thuở nhỏ, theo Lữ Đồng Tân học đạo Tiên. Sau về quê gặp ngày sinh nhật Hàn Dũ. Hàn Dũ có ý trách Hàn Trương bỏ nhà đi lưu lạc. Hàn Trương liền thưa rằng: “*Xin chú đừng giận, cháu có nghề này xin kính mừng sinh nhật.*” Nói xong, Hàn Trương nhóm đất rồi trùm lại, trong giầy lát dờ ra nhiều hoa nở, mỗi cánh đều có chữ vàng:

*Vân hoành Tân Lĩnh gia hà tại
Tuyết ứng Lam quan mã bất tiên*

Xương Lê không hiểu gì cả. Sau vì can vua sùng Đạo Phật mà bị đày ra Triều Châu. Khi đến Tân Lĩnh, Lam quan, Hàn Dũ được Hàn Trương ra đón. Hàn Dũ nhờ đó biết được ý hai câu thơ của Hàn Trương bèn làm tiếp:

*Nhứt phong triều tấu Cửu Trùng Thiên
Tịch phiến Triều Câu lộ bát thiên
Dục vị Thánh Triều trừ tệ sự
Khảm tương suy hủ tích tàn niên
Vân hoành Tân Lĩnh gia hà tại
Tuyết ứng Lam quan mã bất tiên*

*Tri nhữ viễn lai ứng hữu ý
Hảo thu ngô cốt chường giang biên*

Dịch thơ

*Buổi sớm dâng vua một bức thư
Triều Châu chiều đến bị đày lưu
Muốn vì Thánh chúa trừ tặc nạn
Đâu tiếc cuối đời vận đã suy
Tân Lĩnh mây che nhà chốn ấy
Ái Lam tuyết phủ ngựa không đi
Biết mi hảo ý từ xa đến
Thu nhật cốt ta ở bến ni!*

Thấy Hàn Trương đoán không sai, từ đó Hàn Dũ mới trọng Đạo. Rạng ngày, Hàn Trương dâng cho chú một bầu thuốc, nói: – *Chú uống thuốc này khỏi bệnh và không bao lâu nữa được phục chức nhờ bài văn tế cá sấu.*

Nói rồi, Hàn Trương từ biệt chú. Về sau, nhờ vua tể đuổi được cá sấu, Hàn Dũ được phục chức cũ.

Hàn Trương thành Tiên, người đời gọi là Hàn Trương Tử hay Tương Tử, tay cầm ống tiêu.

Ông VƯƠNG QUANKỶ (1880 – 1940) người tỉnh Chợ Lớn, cháu nội Thống Chế Vương Quang Hạc, ông ngoại là nhà nho yêu nước Huỳnh Mãn Đạt. Ông là tri phủ Sở Thuế Thâu Sài gòn.

Song thân ông Kỳ là Vương Quan Đế và Huỳnh Thị Bảy. Ông học Lycée Chasseloup, đậu Diplôme, cùng làm việc với ông Ngô Văn Chiêu ở dinh thống đốc Nam Kỳ.

Ông theo Đạo được Đức Chí Tôn phong phẩm Giáo sư (26-4-1926) và cho bài kệ:

BÀI KỆ

*Nhứt nhứt tâm hề nhứt nhứt tâm
Niên đáo tâm hề đạo khả tấn
Vô lao công quả tri đương tác
Niên hóa niên hề đạo tối tân.*

Ông Kỳ là bào đệ của Vương Quan Trăn, thân sinh cô Vương Thị Lễ (tức Thất Nương Diêu Trì Cung) hướng dẫn Tam vị Thiên sứ học Đạo buổi đầu. Trong “*Con đường thiêng liêng hằng sống*” Đức Phạm Hộ Pháp nói về ông như sau:

«Bản Đạo nói rõ người ấy là Vương Quan Kỳ chú ruột của Thất Nương. Người mở Đạo mà chẳng biết Đạo là gì hết và cả hành tàng (người ấy) nếu chúng ta thấy sẽ lên án là Tả Đạo Bàng Môn chắc hẳn vậy.

“Người đó bạn Thiên phục giống hình đội mào Giáo sư, áo tốt lại dắt vai, mào cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần đi ngật ngờ, ngật ngưỡng cười một mình không biết cười cái gì, đi ngang qua Bát Quái Đài, như không vậy”. Đó là gương linh của Hàn Trương Tử thích phóng túng tiêu dao.

8. TÀO QUỐC CỬU:

Tào Quốc Cửu (hay Cự) tên Hữu, là con trai thừa tướng Tào Ban, người đất Linh Thọ, em hoàng hậu, vợ của Tống Thái Tổ.

Tào Hữu, tướng khôi ngô đẹp đẽ, được vua và hoàng hậu quý mến, nên tặng cho một bài vàng. Ngược lại, người em ý thế hại dân. Sợ liên lụy, Tào Hữu bán hết sản nghiệp bố thí cho dân nghèo, rồi mặc đồ đạo sĩ đi tu.

Tào Hữu gặp Lữ Thuần Dương, bị Tiên ông này gạn hỏi:

– Đạo ở đâu mà tu? Tào Quốc Cửu chỉ trái tim. Thuần Dương cười nói: – Lòng là trời, mà trời là Đạo, đã biết cội rễ, tu chắc thành Tiên.

Tào Quốc Cửu hay Cựu xin thọ giáo và đắc đạo. Tay cầm cặp sanh. Năm 1923 Tào Quốc Cựu giảng đàn Bến Cát (Gò Vấp) “*Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ,*” báo trước đạo Tam Kỳ xuất hiện.

Ông NGÔ VĂN CHIÊU (1878 – 1932) sinh tại Bình Tây, Chợ Lớn có ngươn linh của Tào Quốc Cựu. Hai vị giống nhau ở điểm lánh trần. Năm 1920 ông làm chủ quán Hà Tiên, rồi ra Phú Quốc mà ngộ Đạo Cao Đài. Năm 1921, Tiên Ông giảng dạy ông «*Chiêu, tam niên trường trai.*»

Một buổi sáng ngồi trên võng. Ngài bỗng thấy một con Mắt thật lớn chói lọi như mặt trời. Ông sợ vái rằng: *Bạch Tiên Ông như phải Tiên Ông dạy đệ tử thờ Thiên nhân, xin cho biển tức thì.* Ông vái xong, Thiên Nhân lu dần rồi mất.

Năm 1924, do lời cầu xin, ông đã thấy được cảnh Bồng Lai. Sau đó, ông đổi về Sài Gòn liên lạc với nhóm xây bàn Cao Quỳnh Cư.

Đàn đêm 14-4-1926, đấng Chí Tôn ban cho Ngài phẩm Giáo Tông. Nhưng vì tu theo vô vi nên không đi phổ độ.

Ngài về Cần Thơ lập phái Chiếu Minh vô vi rồi liễu đạo trên sông Cửu Long (1932) và đắc vị: Quốc Cựu Minh Chiêu (gồm đủ tên ngươn linh và thánh danh).

*Từ ngày xa thế đến Tiên bang
Lo lắng nhơn sanh bước lạc đàng
Đức rộng cao dày là quý báu*

Đặng lên Bồng cảnh chép biên hoàng

Từ lâu, có sự hiểu lầm giữa Toà Thánh Tây Ninh truất phẩm Giáo Tông của Ngài Ngô Minh Chiêu. Thật sự, Ngài Lê Văn Trung chỉ là quyền Giáo Tông, dù sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu đăng Tiên.

Ngài Lê Văn Trung do Đức Lý phong cho để giữ đạo về mặt hữu hình. Đạo Cao Đài từ trước tới nay chỉ có một Giáo Tông duy nhất với tịch đạo Thanh Hương, Toàn Đạo hiện vẫn theo tịch đạo đời Giáo Tông thứ nhất.

Bát Tiên tiên bối dự Hội Yến, được Đức Phật Mẫu ban rượu quỳnh tương và trái đào tiên. Còn được bốn Nữ nhạc Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, và An Phát Trinh đào, sáo, ca múa hầu chư Tiên Hội Yến.

Ngày nay, chư vị thời quân, các Chức sắc có ngươn linh Bát Tiên, trong đêm Hội Yến, đứng hầu Đức Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật, đãi tiệc, rót rượu, vừa thực hiện Bí pháp truyền thống vừa thực hành thể pháp dương gian.

14. THẬP NHỊ THỜI QUÂN

Thuở mới khai Đạo tại Từ Lâm tự (Gò kén), Đức Chí Tôn phong vị Thập nhị thời quân. Đúng ra là 12 vị nhưng thực tế chỉ có 11 vị, trong đó khuyết phẩm Tiếp Đạo. Trong khi Đức Cao Thượng Phẩm lo xây cất Toà Thánh tạm ở làng Long Thành thì Đức Phạm Hộ Pháp đi hành Pháp ở Kiên Biên Tông Đạo.

Trong đàn cơ đêm 29-6-Đinh Mão (27-7-1927) tại Thánh Thất Nam Vang do Đức Phạm Hộ Pháp và ông Cao Đức Trọng phò loan, Đức Chí Tôn giảng dạy và phong thánh cho nhiều vị. Nhưng tuyệt nhiên không thấy ban chức cho ông Cao Đức Trọng, nên Đức Hộ Pháp hỏi:

– Bạch Thầy, còn Trọng em con sao không thấy Thầy phong chức.

Đức Chí Tôn gõ cơ đáp:

– Tắc, sao con đại quá vậy, Trọng thuộc về chi Đạo bên Hiệp Thiên Đài.

Thật vậy, sau đó ông Cao Đức Trọng được Đức Chí Tôn phong chức Tiếp Đạo. Lúc đó, ông Trọng làm việc tại văn phòng Chưởng Kế (Nam Vang) quyền năng thiêng liêng dành cho con gà (ông Trọng tuổi Dậu) đi gáy xứ người, một bí pháp nhiệm mầu làm sao người phàm rõ thấu được.

Thập nhị thời quân có 12 phẩm cho 12 vị khác tuổi nhau: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Người lớn tuổi nhất là Bảo Đạo Ca Minh Chương tuổi Canh Tuất (1850), nhỏ tuổi nhất là Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tuổi Quý Mão. Một vị ở đầu bảng và một vị ở cuối bảng Thập Nhị Thời Quân. Quả là một cơ mầu nhiệm của tạo hóa.

- 1/ Trần Khai Pháp tuổi Mậu Tý (1888),
- 2/ Phạm Khai Đạo tuổi Tân Sửu (1901),
- 3/ Trương Hiến Pháp tuổi Canh Dần (1890),
- 4/ Lê Tiếp Thế tuổi Quý Mão (1903),
- 5/ Nguyễn Bảo Pháp tuổi Nhâm Thìn (1892),
- 6/ Trương Tiếp Pháp tuổi Quý Tỵ (1893),
- 7/ Nguyễn Hiến Thế tuổi Giáp Ngọ (1894),
- 8/ Lê Bảo Thế tuổi Ất Mùi (1895),
- 9/ Phạm Hiến Đạo tuổi Bính Thân (1897),
- 10/ Cao Tiếp Đạo tuổi Đinh Dậu (1897),

11/ Ca Bảo Đạo tuổi Canh Tuất (1850),

12/ Thái Khai Thế tuổi Kỷ Hợi (1899).

Tuổi và ngày giờ được ghép bởi thập can và thập nhị chi còn gọi là Thập nhị thời thân.

Thập thiên can bao hàm vạn trượng

Tùng địa chi hóa trường càn khôn

Thập thiên can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Theo thứ tự người ta ghép một can với một chi như can thứ nhất với chi thứ nhất thành giáp tý ... tuổi ông Ca Minh Chương. Người ta tiếp tục phối hợp can thứ nhất với chi thứ mười một rồi can thứ ba với chi thứ nhất, cứ tuần tự như vậy lại đến năm Giáp Tý là đáo tuế. Trong một chu kỳ, tên mỗi can xuất hiện sáu lần (60: 10 = 6) và tên mỗi chi xuất hiện năm lần (60: 12 = 5). Chu kỳ này, ta gọi là lục thập giáp hay biểu giáp tý.

Do đó, chư vị Thập Nhị Thời Quân là đồng tử trung gian giữa Trời và Người, nên không có Thập Nhị Thời Quân thì cũng không có Đạo, vì chư vị là những Thiên sứ phò cơ nhận lời Phật Tiên dạy. Từ trước Hiệp Thiên Đài đã có qui định 4 cặp cơ là:

Quý ông Tắc, Cự: Cơ lập giáo

Quý ông Hậu, Đúc: Cơ lập pháp

Quý ông Sang, Diệu: Cơ truyền giáo

Quý ông Nghĩa, Tràng: Cơ bí pháp

Cơ bút là bí pháp mầu nhiệm và quyền lực của Thiêng Liêng. Thánh ngôn chỉ có giá trị khi cầu ở cung đạo và đồng tử là người được ơn trên chỉ định. Còn những ai khác, cầu nơi khác thì chỉ để học hỏi không có giá trị truyền rao.

15. ĐẠO CHO TA SÁNG MẮT

Thiên Nhân biểu hiện lần đầu tiên dưới có Nhật, Nguyệt, Tinh báo hiệu ba chơn linh đã lâm phạm.

1/ Thượng Trung Nhật

2/ Ngọc Lịch Nguyệt

3/ Thái Minh Tinh

Việc thâm nhận ông Lê Văn Trung (tức Thượng Trung Nhật) có nhiều điểm mâu nhiệm. Vào khoảng tháng 6 – 1925, ông Nguyễn Hữu Đặc gặp ông Lê Văn Trung, lúc đó đã nghỉ làm hội viên Hội Tổng Quản hạt ra làm thâu khoán, mời đến Đàn Chợ Gạo (Chợ Lớn) hầu đàn. Nhà này thuộc chi Minh Lý (tức thuộc Tam Tông Miếu) thờ Quan Thánh Đế Quân.

Ông Lê Văn Trung khăn áo chỉnh tề đứng hầu. Ông Đặc thấp nhang xong, đánh chiêng, bỗng nghe từ bàn thờ Đức Quan Thánh một đốm lửa bay lên suýt cháy nhà. Đồng tử Diệp bỗng mê man. Ông Đặc hiểu ý vội đem đến một miếng giấy và một cây bút chì, Đồng tử chấp bút viết một mạch bài tứ tuyệt của Lý Thái Bạch khuyên ông Lê Văn Trung đi tu.

Từ đó, ông Lê Văn Trung nhiễm dần mùi đạo, bỏ kinh doanh, bỏ hút thuốc phiện, dốc lòng đi tu thì Đàn Chợ Gạo bẽ hẳn, nghĩa là bất cứ ai cầu, các Đấng cũng không giáng trần.

Ta thấy rõ: Đức Lý đã thương yêu diu dắt ông Lê Văn Trung ngay từ buổi đầu nên không ai làm lạ, sau này Đức Lý nhượng quyền Giáo Tông hữu hình cho ông Lê Văn Trung.

Đức Lý chuyển ông Trung đến nhà ông Cư đang lúc
mấy ông này cầu cơ. Đức Chí Tôn giảng ngay cho ông bài
thơ tứ tuyệt:

*Già trí đừng lo trí chẳng già
Lương tâm mình biết hỏi chi xa
Thêm đầu trời ngó, lòng nhưn đạo
Hu thiệt rồi đây cũng biết mà!*

11-1-1926

Đến ngày 28 tháng đó, hai ông Cư, Tắc được lệnh
Đức Chí Tôn vào Chợ Lớn độ ông Trung.

«*Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức
Chí Tôn độ. Đức Chí Tôn bảo đầu làm đó vậy thôi, ông là
người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm không hạp
chút nào. Khi vô tới nhà thú thật với Ngài rằng: «Chúng
tôi được lệnh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức
Chí Tôn dạy đạo».*

*Ông biết đấng đó hơn chúng tôi. Lo đặt bàn ghế sửa
soạn buổi phò loan, rồi ông nhập môn.*

«*Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạch, hai
cha con vái rồi cầu cơ. Khi phò loan thành nhỏ ngủ, ông thì
thức. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có 2 người biết
với nhau mà thôi. Từ đó, ông mới tin Đức Chí Tôn»* (Bài
thuyết đạo của Đức Hộ Pháp đêm 13-10-Giáp Ngọ, 1954)

Trước khi gặp Đạo mắt ông mờ, khi ngộ Đạo mắt
ông sáng lại bình thường cho đến ngày ông đăng tiên. Ông
kể lại lời Đức Chí Tôn dạy ông như sau:

*“Trung, nhứt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thấy thác
cũng nơi Thấy, thành cũng nơi Thấy mà đạo cũng nơi Thấy.
Con lấy SỰ SÁNG MẮT của con mà suy ngẫm”*

Đức Ngài cũng kể về việc sáng mắt của Ngài Ca Bảo Đạo: «*Có một bữa Đại Từ Phụ khai khiếu cho Bảo Đạo Ca Minh Chương. Hồi mới khai khiếu 3 anh em tôi (Trung, Cư, Tắc) ngỡ ngỡ ngáo ngáo không hiểu chi hết tưởng là Chương Niên Cao Kỳ Trường mắt mờ mệt nên Đại Từ Phụ khai khiếu cho sáng láng, ngộ hầu khi nào Đại Từ Phụ giảng cơ viết Hán Tự, Đạo hữu coi đọc cho dễ, té ra không phải vậy. Đấng Chí Tôn khai khiếu cho Chương để phò loan đặng <đi phở độ>*» (Tiểu sử Đức Quyển Giáo Tông, tr. 29)

Xem thế, buổi đầu khai đạo rất nhiều hiển linh. Nhờ đó, người theo đạo ngày càng đông.

16. NGŨ CHI PHỤC NHỨT

Danh hiệu lập giáo của Đạo Cao Đài là: “*Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt*”

Tam giáo là: Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo

Ngũ Chi là: Minh Sư, Minh Thiện, Minh Đường, Minh Tân và Minh Lý

Minh Đường : Qui hiệp về Đạo Cao Đài trước nhứt. Chi Minh Đường ở Vĩnh Nguyên tự (Cần Giuộc) do ông Nguyễn Văn Lịch làm chủ trưởng. Do cặp cơ Cư Tắc độ ông và đặc phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Minh Thiện : Ở Thủ Dầu Một, chi này thiên về quốc sự nên hấp dẫn được nhiều trí thức yêu nước. Đạo hữu rất phức tạp. Ngọc Cơ mà ông Phan Văn Tý cho ông Cư Tắc mượn buổi đầu xuất phát từ chi này.

Minh Tân : Chi này đặt tại chùa Tam Giáo điện số 221 bến Vân Đồn Sài gòn. Chủ trưởng Lê Minh Khá được ơn trên giảng dạy:

*Minh Tân đạo Tam Kỳ
Cơ quan chuyển hiệp qui
Bền tâm tri diệu lý
Hữu phước thọ huyền vi.*

Minh Lý : Túc chùa Tam Tông Miếu ở đường Cao Thắng Sài gòn. Trong buổi đầu đạo khai, ông Âu Kiệt Lâm, chủ trường chi Minh Lý được lệnh ban kinh cho Đạo Cao Đài do các đảng giảng dạy. Trong đó có các bài: Xưng tụng Thần Thánh Tiên Phật, Sám Hối cần xét lại.

Đức Đạo Tổ chi Minh Lý giảng dạy về cơ qui như thế như sau:

“Theo thí nghiệm hóa học, hai chất khác loại đổ vào nhau sẽ biến đổi màu sắc, nếu đổ chất thứ ba vào thì dung dịch sẽ trông như cũ”

Minh Sư : Chi này đặt tại chùa Linh Quang Tự ở Gia Định do ông Trần Đạo Quang làm chủ tự.

Ông xuất gia từ năm 13 tuổi theo đạo Minh Sư thuộc phái Phổ Tế Phật Đường. Năm 45 tuổi tới chức Thập địa, cấp bậc cao nhất trong chi Minh Sư, sửa soạn nối nghiệp vị tổ sư thứ 12 là Trần Đạo Khánh bên Trung Hoa.

Vào mồng 9 tháng 9 năm Bính Dần, hai ông Cư Tắc được lệnh ơn trên đến chùa phò loan độ ông Trần Đạo Quang hiệp nhưt. Ông bạch:

– Nếu qui qua đạo Cao Đài thì phải làm sao?

Ơn trên đáp:

– Y theo luật lệ Minh Sư

Ông thuận hiệp nhưt và được phong Thượng Chưởng Pháp. Đồ đệ của ông rất nhiều như Trần Nguyên Chất, Huỳnh Ngọc Trác noi theo gương ông qui nguyên vào

đạo Cao Đài và truyền ra Trung Việt.

Sau đêm theo Đạo Tam Kỳ, râu ông Trần Đạo Quang trước kia rã ra 5 chòm như râu Quan Công, một sự mâu nhiệm lạ kỳ, sáng hôm sau tự nhiên đoanh lại quần dài xuống bụng thành một đường duy nhứt rất đẹp. Ai cũng bảo đó là biểu hiện NGŨ CHI PHỤC NHỨT.

17. NƠI LÒNG THẤY NGỰ ĐỘNG THẤY HAY

“Nơi lòng Thấy ngự động thấy hay” là câu một của bài thơ tứ tuyệt dạy đạo buổi đầu ý nói: *“Chi chi cũng có Thấy ở trong”*

Thuở ban đầu, hai ông Cư Tắc đem cơ đi đến từng chùa, từng nhà để Đức Chí Tôn giảng dạy đạo. Tùy theo người hầu đàn, tùy theo trí thức hay nông dân, linh động mà dìu dẫn họ vào đường đạo lý, có khi triết lý, có khi chính trị, việc đời hay gia sự. Cơ bút đều đáp ứng rất thỏa đáng theo lời cầu xin.

Dù vậy, có những việc xảy ra bất bình thường mắt phàm không thể nào hiểu được, nên mới có lời xâm xì bàn kín với nhau nhưng Đức Chí Tôn vẫn biết vì *“Nơi lòng Thấy ngự động Thấy hay”*

Một hôm, ơn trên giảng phong cho ông huyện Nguyễn Ngọc Thơ chức danh Phối sư. Ông vốn làm nghề thầu khoán cho Pháp, nên các ông Trương Hữu Đức, Nguyễn Trung Hậu, Trần Duy Nghĩa xúm nhau dị nghị nói với nhau:

– Il n’était pas propre! (ông ấy không sạch)

Bỗng nhiên, hai tay ông Trần Duy Nghĩa run lên tiếp điểm phò cơ. Ôn trên dạy:

– Thấy muốn tận độ chúng sanh, cho nên có khi Thầy cũng phải làm ông thầy phạm. Nếu các con biết lễ Đạo thì từ nay Thầy cấm dị nghị.

Dù vậy, tiếng đời vẫn kích bác cho rằng kẻ giàu sang được phẩm tước cao trọng. Thế nên, ông Cao Quỳnh Cư bạch thầy và được ơn trên dạy:

– Tiền bạc của chúng nó là của chúng sanh. Thầy lấy tiền đó để phổ độ chúng sanh thì có sao đâu?

Vào năm 1927, quý ông Tắc, Hậu, Đức hợp nhau tại nhà ông Trần Duy Nghĩa ở đường Hamelin Sài gòn. Ông Hậu thấy trên bàn có tượng bà Jeanne d'Arc. Ông Nguyễn Trung Hậu táy máy tay sờ mó. Ông vừa đụng vào tượng liền bị giựt nảy mình. Ông Phạm Công Tắc phò cơ, bà Jeanne d'Are giáng đàn:

– La Religion résume en un seul mot: HUMANITÉ. Si vous voulez arriver au but poursuivi que ne faites – vous pour l' Humanité?” (Tôn giáo tóm gọn trong một tiếng: Nhân loại. Nếu các anh muốn đi đến mục đích mà các anh đang theo dõi, sao các anh không có ý tưởng nhân loại)

Chính sự hiện diện thường xuyên của các Đấng bên cạnh Thập Nhị Thời Quân mà các ông không dám xem thường sứ mạng hoằng giáo phổ độ chúng sanh.

18. DUYÊN KỲ NGỘ

Nhân xuống thăm mộ Cửu nương Cao Thị Khiết, các thiên sứ không hẹn mà đã gặp ở từ đường họ Cao liên ngâm, toát lên khẩu khí của bậc lãnh đạo, tiên đoán được thiên chức mai sau của mỗi vị một, ông Ngọc Lịch

Nguyệt xướng đầu tiên:

1- ÔNG NGỌC LỊCH NGUYỆT

*Nâng chén trà thơm mời Đạo Muội
Đề câu không sắc gọi tri âm
Sắc không hai lẽ huyền thâm
Chí tâm mới biết được tâm ta người*

2- ÔNG NGÔ MINH CHIÊU

*Ta thấu rõ máy trời cơ tạo
Trời cùng Ta một Đạo chí linh
Vô vi sẵn có hữu hình
Hữu hình trong lại vô hình vô danh
Danh có đó mà danh không thiết
Nhờ không danh mới biết đặt danh
Cổ kim mấy bậc chí thành
Không danh mà lại để danh muôn đời*

3- ÔNG THƯỢNG TRUNG NHỰT

*Cùng chung một bầu trời lồng lộng
Không thiên gì cuộc sống cho ai
Chí tâm sẵn có đủ đầy
Muốn thành Tiên, Phật đạo đây phải cam*

4- ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP

*Cơ phục thủy biết làm sao tả?
Mảnh thân này chi xá gian lao
Quyết tâm xây đắp ĐÀI CAO
Muôn dân chung hưởng nước giàu, nhà yên*

5- ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM

*Đạo vốn thật căn nguyên diệu hữu
Phật Tiên xưa nay thành tựu nhờ đây
Chỉ so một cái tâm này
Không thiên, không lệch, không sai không lầm
Cùng tắc biến cao thâm máy tạo
Biến tắc thông là Đạo trường thành
Hỡi người sử mạng lương sanh
Gẫm suy diệu lý tạo thành tương lai*

6- ÔNG CAO TRIỀU PHÁT

*Mang một kiếm râu mày nam tử
Nợ vì non phải xử cho tròn
Sá gì chức nghiệp cõn con
Sao không xây dựng nước non thanh bình (?)*

Đọc xong sáu bài thi của sáu cao đồ toát lên chí tiến thủ của 6 vị. Ông Ngọc Lịch Nguyệt sẽ trở về với Đạo Phật ở Vĩnh Nguyên Tự. Ông Ngô Minh Chiêu tu theo lối vô vi. Ông Thượng Trung Nhật muốn thành Tiên (Giáo tông) sẽ bị nhân sanh khảo đảo. Đức Hộ Pháp hoàn thành xây dựng Tòa Thánh (đài cao). Đức Cao Thượng Phẩm xả thân vì Đạo trước tiên. Ông Cao Triều Phát lập Cao Đài cứu quốc (1945) giúp đất nước hòa bình.

Cao Triều Phát (1889 – 1956) người Bạc Liêu. Thân sinh là Đốc phủ sứ Cao Minh Thạnh, thân mẫu là bà Tào Thị Súc, gia đình có 6 trai và hai gái. Người em gái thứ chín của ông là Cao Thoại Khiết tức Cửu Nương Diệu Trì Cung (xem Công Đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật).

Ông Phát theo Đạo qua đàn Minh Thiện (Thủ Dầu

Một) của bác sĩ Trương Kế An tức Bảo Y quân Toà Thánh Tây Ninh.

Năm 1941 ông là chủ tịch Cao Đài Mười Hai Phái thống nhất ở Hậu Giang. Năm 1945, ông được bầu làm chủ tịch Cao Đài Mười Một phái hiệp nhất (không có Toà Thánh TN) tại chùa Minh Tân. Ông lập Thanh Niên Đạo Đức Đoàn tại đây. Năm 1947 ông được bầu làm Hội Trưởng Cao Đài Cứu quốc Mười một phái hiệp nhất. Sau hiệp định Genève (1954), gia đình ông tập kết ra Bắc. Tháng 1 năm 1955, ông đảm nhiệm vai trò anh cả toàn Đạo miền Bắc, thành lập Cao Đài Cứu Quốc Mười Hai phái hiệp nhất.

19. LÝ THÁI BẠCH VÀ QUAN THÁNH TIÊN TRI THỜI CUỘC

Vào đêm rằm tháng 5 năm Ất Sửu (1925) ở Phú Quốc. Đức Quan Thánh và Lý Bạch giảng cơ tiên tri về thời cuộc từ 1925 về sau:

*“QUAN mà hiểu rộng LÝ cao quyền
THÁNH Phật phân rành THÁI độ duyên
ĐỂ Sắc nêu cao nguồn BẠCH tự
GIÁNG lâm đàn nội, GIÁNG qui nguyên.*

“Lão vâng lệnh Tam Giáo tòa lâm đàn để đời tiên tri, lễ tuần hoàn chuyển đổi

“Chúng sanh khá nhớ: “Cao vi càn, càn vi Thiên. Đài vi khám, khám vi Thủy tức là quẻ Thiên Thủy tưng, thì chạy đầu cho khỏi số Trời định binh lửa bốn phương. Những kẻ không tu đành cam số phận”

*“Năm Ất Sửu (1925) để lời Lão phán
Qua Bình Dân (1926) đặng rạng cơ mầu*

Lập thành nguồn Đạo Á châu
Đắp xây nền móng sùng Âu đời đời
Nên thấy rõ đạo Trời chánh giáo
Cảnh Tây Ninh đào tạo Thánh Toà
Lập thành cơ đạo chia ba
Tiên, trung với hậu cũng là đồng môn
Năm cơ quan bảo tồn sanh chúng
Dựng lên rồi chia đúng mười hai
Trên đường thiên lý dặm dài
Lập thành Đại Đạo Cao Đài độ dân
Năm Mậu Dần sắp gần binh cách
Ấy là điều tai ách nhưn sanh
Bốn năm dân chủ tung hoành
Tây Ninh thừa thế lập thành cơ binh
Để bảo hộ chúng sanh bốn đạo
Dân xā lo đào tạo quan quân
Quốc gia nổi dậy tương bưng
Tân Dân thành lập lấy lòng quốc dân
Nền độc lập lần lần ra mặt
Vinh Thụy lắm tướng thật thi hành
Đến ngày hội cả nhưn sanh
Kỳ ba súng nổ lập thành quốc gia
Để phát động sơn hà thống nhứt
Hiệp tham giang nỗ lực tấn công
Bảo sanh nhưn nghĩa đại đồng
Hòa bình thế giới ở trong đạo Trời
Chớ lắm tướng quyền đời sức mạnh

*Dễ lướt qua luật chánh thiêng liêng
Hậu sau ra đứng trước Tiên
Do Toà Tam Giáo lệnh truyền thường răn
Đức Di Lạc cầm cân cứu thế
Hội Long Hoa tên để phong thần
Thượng ngươn đời lập Tân Dân
Dựng nền dân quốc, xa lẩn chủ quân
Quê hương hiện cảnh xuân thơ mới
Đạo Nhà Nam vạn đại lưu truyền
Gia vô bế hộ êm đềm
Phật, Tiên, Thánh, Thần giáng miền trần gian
Đạo gom trọn nhưn gian vũ trụ
Gieo giống lành làm chủ năm châu
Từ Tây khắp cả hoàn cầu
Âu ca lạc nghiệp dưới bầu trời chung*

“Bài tứ tuyệt trên hiện rõ sự mâu nhiệm của cơ bút. Nếu đọc khoán thủ ta thấy: Quan Thánh đế Quân giáng và khoán tâm ta lại thấy: Lý Thái Bạch giáng và sau 2 chữ Thánh Đế ta thấy 2 chữ Phật Sắc tức Phật bà Quan Âm. Bài này tiên tri Tam trấn thay mặt Tam giáo dạy đạo kỳ bà.

“Bài song thất lục bát tiên tri, đạo Cao Đài lập trước nhứt ở Tiên Giang rồi Hậu giang và sẽ phân chia 12 chi phái.

Đạo lập quân đội và Hòa Hảo lập Dân xã Đảng. Sau đó, Bảo Đại bị Ngô Đình Diệm lừa gạt truất phế. Trải qua ba cuộc đảo chánh mới lật đổ được Ngô Triều. Đến cuối thế kỷ này: “*phản tiền vi hậu*” Đức Di Lạc Vương Phật ra đời lập Hội Long Hoa để tuyển ngôi vị Phật, dựng đời

20. TÁM GÀ TRÊN MÂY

Thượng Ngươn Thánh Đức, Đức Di Lạc là bậc Minh Vương hiền triết thông kim đạt cổ, tạo cảnh thái bình “gia vô bế hệ” Lúc đó, đạo nắm trọn huyền vi vũ trụ và ...» Đất dậy, trời thay xác, Chư Phật, Tiên, Thánh xuống ở trần». Nhân loại lạc nghiệp âu ca, chung bầu trời: “Đại Đồng Thế giới”

Đây là bài thi độc nhứt vô nhị do Tam Trấn giảng chung. Đức Lý Thái Bạch và Quan Thánh chủ động ban ý tưởng còn Phật Quan Âm chứng đàn.

20. TÁM GÀ TRÊN MÂY

Do chủ trương qua hai câu liền trước của các Thánh Thất nên Đạo Cao Đài lúc nào cũng bị nhà cầm quyền theo dõi.

Dưới thời Pháp thuộc, toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier (1928 – 1934) ra lệnh tiêu diệt Đạo mạnh mẽ nhất. Y thi hành một chánh sách cứng rắn và tàn bạo đối với dân chúng thuộc địa. Kiểm soát chặt chẽ giới thợ thuyền, đàn áp các Đảng phái, Đạo Cao Đài cũng chịu chung số phận với đồng bào.

Đầu năm 1934 nhân vía Đức Chí Tôn, viên toàn quyền gởi tặng Toà Thánh cặp đèn cây thật lớn bảo phải đốt ngay trong giờ cúng đàn. Vì hấn biết lẽ vía có chư tín đồ và chức sắc khắp nơi tề tựu về Toà Thánh dâng lễ Đức Chí Tôn. Bên ngoài là thi ấn bố đức tặng đèn, bên trong thật sự đôi đèn là hai trái bom nổ chậm.

Đức Quyền Giáo Tông biết âm mưu của P. Pasquier định giết Ngài trước mắt chúng sanh. Ngài nhớ Đức Chí Tôn dạy: «Sống cũng nơi Thấy, thác cũng nơi thấy» nên Ngài quì trước chúng đàn cạnh đôi đèn cây (2 quả bom)

mà không sợ sệt âm mưu của P. Pasquier.

Linh hiển thay, hai quả bom được đốt lên, cháy xì khói lan tỏa khắp đàn, chửi tít hữu lo sợ nhưng Ngài vẫn quỳ và lạy mắt ra lệnh việc hành lễ vẫn tiếp tục như không có điều gì xảy ra.

Việc ám sát Đức Quyền Giáo Tông không thành, P. Pasquier ra lệnh cho bọn mật thám Pháp tìm đủ phương cách chụp hình các buổi nhóm họp, các đàn lễ, dịch các tên như Thượng hội ra Thượng Nghị Viện; Hội Nhơn Sanh ra Hạ Nghị Viện v.v... để chính hẳn mang về Pháp quốc báo cáo. Trên chiếc phi cơ về Pháp có cả gia đình hẳn. Sấm Trạng Trình đã báo trước: “*Lửa đâu mà cháy tám gà trên mây*”. Chưa ai rõ nghĩa lý gì, thì báo chí đã loan tin: Phi cơ toàn quyền P. Pasquier ngộ nạn, vợ con hẳn đều chết, riêng hẳn rơi vào ống khói nhà máy cơ khí Messageries Métallurgiques de France.

Ít lâu sau, P. Pasquier giáng đàn cho biết:

«Oh, Salve Haute Âme

Vương bá bửu ngôi thị ngục hình

Thiên lao như thử tặc công khanh

Đồ thân phát phối cầm chơn mạng

Y phục đai cân thị tử thành

“*Ôi nha lại! Cũng vì mi mà làm cho ta bị bịt mắt trái tai... – Pierre Pasquier*”

Xem thế, quả báo nhãn tiền, lưới trời chẳng lọt mạng lông.

Nhờ đó, đồng đạo mới rõ câu: “*Lửa đâu mà cháy tám gà trên mây*”.

Lửa ở đâu? Thật khó trả lời.

Tám gà do chữ Pasquier phiên âm là bát kê nói đầu lập lòe theo kiểu sấm truyền của Trạng Trình.

21. TÀ THẦN QUẤY NHIỀU

Ngày khai Đạo Cao Đài nhằm đêm 14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần (18 và 19-11-1926) làm lễ tại Thánh Thất Từ Lâm. Đó là Thánh Thất đầu tiên, sau các nơi trong buổi ban sơ mượn tạm như Vĩnh Nguyên Tự, Thánh Thất Cầu Kho v.v...

Chùa này vốn của Hòa thượng Như Nhân ở chùa Giác Hải (Chợ Gạo), nên còn gọi là Hòa thượng Giác Hải, quyền tiền trong bốn Đạo thành lập. Vào tháng 7 năm Bính Dần (8-1926) ông tình nguyện dâng chùa.

Lúc bây giờ chùa tuy cất xong, nhưng Đông lang Tây lang chưa có, tráng xi măng chưa rồi, sơn phết chưa lo. Chung quang chùa còn nhiều cây bụi sấm uất. Ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Hương Thanh được lệnh chi tiền lo tất cả mọi việc cho hoàn tất để kịp kỳ khai Đạo.

Đêm hôm đó, vì quá đông người nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu cơ Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thẳng. Thừa dịp tà thần nhập vào ông Lê Thế Vĩnh và Vương Thanh Chi con gái của ông Vương Quan Kỳ mà mạo xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát. Lúc đầu trong bốn Đạo tưởng thật nhưng sau cử chỉ hung hăng. Người người đều biết là tà quái xuất hiện.

Thấy việc lộng hành như vậy, ông Monet đại úy người Pháp khuyên: *“Tôi có lời khuyên các ông, là từ đây trở đi, hệ có cầu cơ thì chớ họp nhau đông đảo vì cần phải thanh tịnh. Mà hệ đông người thì một là mất bề thanh tịnh, 2 là tư tưởng bất đồng, không tương ứng nhau được thì không*

linh nghiệm”

Ba hôm sau, Thầy giảng cơ dạy về việc này như sau:

“Các con, Thầy nghĩ lại việc hôm nọ tại Thánh Thất biến ra một trường tà quái mà Thầy bắt đau lòng đó các con. Các con nghĩ lẽ nào? Đó là bước Đạo. Đó là thiên cơ. Các con hiểu sao được. Nhưng Thầy buồn nỗi vì có đứa xàm biện về việc ấy. Thầy cũng muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương. Môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ Đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà hồi thế tục. Bởi bước Đạo gặp ghình khó tới mới ra đến nỗi”

Thật là Thiên cơ, nếu không xảy ra việc tà thần, hôm đó mật thám Pháp đã chức sẵn, có điều gì quốc sự là bất ngay. Trong cái rủi có cái may là như vậy. Vả lại việc biến loạn đó, khiến cho kẻ nhẹ dạ, ít tâm thành ngã lòng. Còn hàng chức sắc thì cho ở đó là cơn khảo của tà thần để trau dồi thêm lòng tin tưởng. Và cũng là một tiếng vang để cho khách bàng quan chú ý theo dõi coi tà giáo hay chánh giáo. Vô hình trung, cơ phổ độ chuyển được thế cờ, xoay hư thành nên. Chỉ ba tháng sau khi mở Đạo tại Từ Lâm Tự mà số người nhập môn lên hàng ức, đủ thành phần, đủ chánh kiến và quốc tịch: Pháp, Cao miên, Hoa kiều ...

22. LONG TUYẾN KIỂM TRIỆT NHÂN TÀI

Đức Phạm Hộ Pháp được lệnh Đức Chí Tôn đi Thủ Đức (1928). Đến nơi bà Bát Nương chỉ dẫn đi lấy Long TUYẾN KIỂM ở Mỹ Tho.

Nhưng Đức Cao Thượng Phẩm bệnh nặng Đức Ngài phải trở về Toà Thánh. Sau khi an táng Đức Cao Thượng Phẩm xong, (Đức Cao Thượng Phẩm qui ngày 1-3-Kỷ Tỵ) Đức Ngài mới đi Phú Mỹ – Mỹ Tho.

Ngày 27-2-Kỷ Tỵ (1929) Đức Ngài đến Khổ Hiền Trang, chấp bút thì được chỉ dẫn nơi yếm Long tuyến kiểm về phía Tây Nam. Nơi điểm chỉ là một khoản đồng ruộng, có dạng hình núi nức mé bên kia sông, phải đi ghe chừng 5 cây số mới đến. Cánh đồng nước phèn, mọc toàn năng, phía xa xa là rừng đứng và bàng. Đất màu đen chưa trồng lúa được, nên dân cư sống bằng nghề làm đồ gốm, làm lu, hủ, chén v.v... Đức Ngài và các tín hữu Minh Thiện đàn dừng lại trên một khoản đất vàng, gò cao và rộng độ chừng dưới 700 thước vuông.

Đức Ngài lại chấp bút, Lỗ Ban giáng và chỉ đào ngang chót núi, sâu xuống chừng 3 tấc tây thì đụng đá. Lỗ Ban cho biết, đó là tháp của một trạng Tàu táng thuở cai trị xứ ta. Trạng Tàu biết chỗ này là núi vàng, sợ sau này núi nổi lên thành hình thì nước Việt Nam có trạng và nhân tài sẽ phục nghiệp, nên họ quyết chiếm cứ và yếm long tuyến kiểm, công dụng của kiểm là vớt dứt hết nhân tài.

Khi thế chiến thứ nhứt chấm dứt (1919) chính phủ Tàu sai một người Triều Châu giỏi về bói yếm sang Việt Nam yếm một lần nữa ngay nơi cũ. Dân cư quanh vùng, nhất là các vị bô lão thời đó đều kể như vậy.

Lỗ Ban lại cho biết, tại đây có vị thần vàng lãnh mạng nơi Thượng Đế giữ gìn vật báu không cho ai lấy, chỉ dành riêng cho Trạng Trời đến lấy mà thôi.

Việc đào lên cũng thật vất vả. Đồng thì rộng mà mỗi người chỉ có một lưỡi cuốc dàn hàng ngang mà đào. Tưởng chừng như khó tìm thấy. Bỗng nhiên trực giác giúp suy luận thành công, thông thường thì mồ mả ở vùng này đều có nắm ở trên nhưng đặc biệt có một cái mả không có nắm. Vì thế mà Đức Ngài cho đào cái mả đó lên thì

được một ống ghê trên có một lưỡi dao cứng cắm thẳng xuống trong đó có một con cờ sừng màu trắng và 6 đồng tiền kềm đời Minh Mạng. Đào xuống sâu nữa gặp một hộp bao chỉ dài 9 tấc, Đức Ngài cho biết trong đó có Long tuyến kiếm, nhưng cấm không cho ai xem và gói kín lại.

Đức Ngài dạy đào một con kinh từ Trảng Sập băng ngang chót lưỡi Long tuyến kiếm cho bứt. Đó là phép phản yếm để trừ tuyệt sát nhân tài.

Đức Ngài lại nói: «*Ngày kỷ niệm nước Việt Nam hưởng được Đạo trời khai sẽ gỡ nạn ách cho nhân loại. Dân tộc xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích lệ thuộc. Dân tộc Việt Nam sẽ không còn bị lệ thuộc nữa*» .

Đêm hôm đó, tại Khổ Hiên Trang, Đức Phật Mẫu giảng dạy lập thảo đường.

THI

*Thảo đường phước địa ngộ tùng hoa
Lục tại dư niên vũ trụ hòa
Cộng hưởng trần gian an lạc nghiệp
Thế đẳng đồng Đạo thịnh âu ca*

23. MÃ ĐẢO PHÁP NẠN

Năm 1941, Pháp khủng bố các tín đồ tại Toà Thánh. Chúng bắt Đức Hộ Pháp và 5 vị chức sắc đày sang Mã đảo (madagascar) thuộc Phi châu dưới chiếc tàu Complège vào ngày 27-7-1941.

Đức Hộ Pháp cùng 5 vị chức sắc, khi tới mã đảo bị quản thúc trong trại giam, đến ngày 24-11-1944 mới được thả ra ngoài làm lụng. Khi quân đội Đồng Minh thắng phe trục tướng De Gaulle giải phóng nước Pháp, Đức Ngài

mới được đưa về Việt Nam ngày 21-12-1946.

Những ngày bị lưu đày nơi viễn xứ, Đức Ngài đã được Đức Chí Tôn che chở, an ủi. Một hôm Ngài và Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến phò loan được Đức Tiêu Diêu Đạo sĩ giảng cho bài thi:

*Lược chiến từng quen đã bấy lâu
Thiên cơ đã rõ máy cao sâu
Dần lòng nhãn nại chờ đôi lúc
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm mầu*

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên Phong, có Đức Nhân Âm Đạo Trưởng đến, để bản tăng triệu Thần Hoàng Bốn Cảnh tới gìn giữ cơ.

Nhân Âm Đạo sĩ cười... bản tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dưỡng này. Hận thay cho giống dã man tàn bạo... Trung quân là Nam Tinh đó vậy. Nơi ấy là hang ổ của Việt kiều Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI

*Quá hỡi đôi phen đến viếng nhau
Ngặt không có bút để lời giao
Án nhân đợi thuở triều linh địa
Chuyển thể gặp thời phải múa đao
Cõi Á đã thành chủng quốc
Phương Âu sẽ diệt tận nô lao
Lửa hương đất Việt đầu nhen nhúm
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu*

Ít lâu sau cầu cơ, một vị (phái nữ) giảng không xưng tên mà cho bài thi sau:

THI

*Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười
Mi đã rước ai hồi hồi người
Lượn thăm bữa ghênh tình ột ạt
Gió sâu xô đánh núi tới bời
Yêu phu điều gọi thương cảnh sớm
Vọng nhận quyền khêu nhớ buổi mới
Tổ quốc đón đường bao dặm thẳng
Xa đưa thăm thẳm một phương trời*

Về sau Vô Danh Thị lại giáng cơ và nhủ: Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có mang lệnh đến đây làm bạn bút nghiêng trong lúc chư vị mang lệnh Chí Tôn cho nơi nghỉ ngơi đây, Chí Tôn than rằng: Chúc sắc Thiên Phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đáng làm tay quy phục sanh chúng. Vì cơ ấy mà triết Lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ

THI

*Đã phong trần chịu phong trần
Có thân âu phải biết thương thân
Nam xa ví chẳng vì đường khó
Việt đánh mong chi đượm lửa mừng
Nặng gánh giang sơn là Thương trụ
Nhẹ đày cung kiếm ấy Thường-quân
Ngũ hổ tứ hải không lưu lại.*

....

Năm 1944, các tù nhân được tự do ra ngoài, Đức Hộ Pháp với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa cầu cơ, Đức Lý giáng phong cho ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa

Lý Quân, Nguyễn Thế Sang phẩm Bảo Thượng Quân và Ngô Văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân.

Mặt địa cầu ta vốn định chùng... (...)

Sau khi giải thích cho Nam xa và Việt đánh thế nào, Vô Danh Thị lại cho thi.

THI

*Hòn đảo này đây trước nhất từ
Mà nay làm khám khảo thấy tu
Quả như oan nghiệt vay rồi trả
Thi lữ Tây man, Nhứt bốn trừ*

Vô Danh Thị là ai? Đó là bà Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lệnh Thất Nương Điều Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù giấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được, vì chiếc nhẫn ngọc trên tay ngài phát hào quang khi bà thăng, hạt ngọc này của ông Lê Sanh Võ Văn Đợi tìm được ở Núi Bà tặng cho Ngài. Nên biết ông Đợi là đệ tử Đức Hộ Pháp học tu tịnh đã chứng ngộ và biết trước được nhiều việc nên Ngài đổi tên Đợi ra Võ Linh Đoán cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung để rước các thầy tu nữa lỡ vận.

Bị chiến tranh, Núi Điện điều tàn, một ít chức sắc xin Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: “*Bản Đạo vì thanh tịnh lúc bị lưu đày, bà thường đến viếng thăm mà thuận cho*”.

24. NGÔ TRIỀU SỰ ĐỔ

Vào năm 1926, nhóm đạo hữu cầu cơ học hỏi, bà Bát Nương giảng đàn cho bài thi song thất lục bát tiên tri về sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm như sau:

*Non sông đất Việt ở đâu chừ?
 Kẻ ngu hiền cứ ngỡ đường đi
 Dòng sông Bến Hải chia ly
 Có chi mà khó? Có chi mà sừn?*

*Tay thợ đắp lấp hờn là Đạo
 Đạo Cao Đài phổ giáo tình thương
 Lướt qua bể khổ chiến trường
 Gãy cung từ ái, cờ trương hiệp hòa*

*Sang cuộc chiến Thu qua khó định
 Từ Thượng Lào đến Vịnh Cam Ranh
 Đều hiu Ngô phải trội cảnh
 Mối dây sao lại tan tành hỡi ai!*

*Toàn dân đứng chờ bày phương hướng
 Hỡi “chừ, mô” là tướng nhà Nam
 Không Nga, không Mỹ không phạm
 Ai người chí chánh, cờ tam cứu đời?*

Khi được bài thi, các đạo hữu không biết bà Bát Nương dạy điều gì. Mãi đến ngày 1-11-1963 tướng Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu mới rõ cơ mầu nhiệm.

Vế thứ nhứt và hai tiên tri về nước Việt Nam bị phân chia ở sông Bến Hải. Có lắm kẻ theo Ngô Đình Diệm mà đi tướng là đúng đường. Đạo Cao Đài cho đó là mối hờn dân tộc cần lấp sông bằng cách trương cờ Nhan Uyên mà kêu gọi hai chính quyền Nam Bắc hiệp thương chung sống hòa bình.

Vế 3: Các cuộc chiến binh định khó thành công. Từ Thượng Lào đến Vịnh Cam Ranh vây cánh Ngô Đình

Diện sẽ trội cảnh.

Về bốn: Dưới sự độc tài gia đình trị của Ngô Triều, dân chúng chờ tướng nhà Nam đứng lên làm cách mạng mà hưởng ứng chớ không phải người ngoại quốc nào khác.

25. MƯỜI HAI ĐỨC THẤY MƯỜI BA MỤ BÀ

Khi làm “*Lễ đầy tháng*” cho trẻ sơ sinh, cha mẹ vái: “*Vái mười hai đức Thấy, mười ba mụ Bà phò hộ cho con tôi mạnh giỏi, chóng lớn*”.

I. Mười hai đức Thấy là ai?

Đó là Thập nhị thời thần ở thượng giới và Thập nhị thời quân ở hạ giới (xem mục: Thập nhị Thời quân) Thập nhị thời quân biểu tượng 12 con giáp: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Người ở trần gian không ngoài 12 tuổi đó.

Sau khi các Đấng ban kinh Tận Độ (1935), Đức Hộ Pháp lệnh cho Thập nhị thời quân làm thuyền Bát Nhã và các phụ tế. Ông khai pháp Trần Duy Nghĩa đốc suất làm thuyền và viết tuồng chèo thuyền. Ông đã giải thích:

– Tổng lái là chơn linh Hắc Sát Tinh tượng trưng Bát Quái Đài

– Tổng mũi là chơn linh Bạch Hổ Tinh tượng trưng Hiệp Thiên Đài

– Tổng Thương là chơn linh Huỳnh Long Tinh tượng trưng Cửu Trùng Đài

– Tổng khâu tượng trưng cho nơn sanh

– 12 bá trao tượng trưng 12 con giáp

Ông Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu thì để câu đối

trước thuyền:

Vạn sự viết vô nhục thể thổ sanh buồn tại thổ

Thiên nhiên tự hữu linh hồn thiên phản hồi thiên

Ông Bảo Thế Lê Thiện Phước thì lập siêu linh kỳ thay thế đơn giản, Siêu linh kỳ hình chữ nhật đứng màu đen, viền trắng, bên trong có 12 nhieu trắng tượng trưng 12 con giáp đã qui vị.

Như vậy, «*Mười hai đức Thấy*» lo việc siêu sinh cho nhơn sanh, không để một ai chết oan.

II. Mười ba Mụ Bà là ai?

Nơi đền thờ Phật Mẫu có tạc hình 9 cô nương và 4 nữ nhạc, cộng chung là 13 mụ bà. Các cô lúc giáng trần dạy đạo chỉ là Tiên nương, nhạc công, nhưng nhờ công phổ độ đều đắc vị Phật với tên hiệu dưới đây:

Về Cửu Nương thì mỗi vị đều có ba nhiệm vụ sau:

- Nơi trụ trì hành pháp
- Nhiệm vụ Hội Kim Bàn giao
- Vùng phổ độ ở trần gian

1. Nhứt nương Hoàng Thiếu Hoa: Giữ vườn Ngạn Uyển chăm lo sức khỏe vạn linh, nhiệm vụ phổ độ miền Bắc VN.

2. Nhị nương Cẩm Tú: Coi vườn đào, giữ gìn sự sống của loài người (bảo sanh), giáo đạo ở Cam Bốt

3. Tam nương Kim Tuyến: Ở tầng Thanh Thiên, siêu độ khách trần, phổ độ miền Trung VN.

4. Tứ nương Lê Thị Gấm: Ở tầng Huyền Thiên, dạy chân, thiện, mỹ cho loài người, phổ độ ở đồng

bằng miền Bắc VN.

5. Ngũ nương Liễu Hạnh: Ở tầng Xích Thiên, siêu độ khách trần đặc đạo cho địa vị ngày càng cao thẳng.

6. Lục nương Hồ Thị Huệ: Ở tầng Kim Thiên, bảo quản sanh mạng cho chúng sinh, phổ độ Pháp quốc. Đó là bà Jeanne d' Arc.

7. Thất nương Vương Thị Lễ: Ở tầng Hạo Nhiên Thiên độ dẫn người theo đạo kỳ ba, phổ độ dân Sài gòn, Chợ Lớn.

8. Bát nương Hồn Liên Bạch: Ở tầng Phi Tướng Thiên, triết lý gia của nền Đại Đạo, giáo Đạo ở Trung Hoa.

9. Cửu nương Cao Thoại Khiết: Ở tầng Tạo Hóa Thiên với Đức Phật Mẫu, dạy về khoa học, mỹ thuật, phổ độ ở miền Tây VN.

Thêm 4 vị nữ nhạc mới thành Phật nữa là 13 mụ bà

10. Đồng Song Thành thành Quán Sanh Phật: Vị Phật bảo vệ kiếp sanh của trẻ con

11. Vương Tử Phá thành Dưỡng Dục Phật: Vị Phật dưỡng nuôi và dạy dỗ trẻ em.

12. Hứa Phi Yến thành Chưởng Hậu Phật: Vị Phật lo về việc mai sau của đứa trẻ.

13. An Phát Trinh thành Thủ Luân Phật: Vị Phật lo về sự biến đổi chuyển xây của đứa trẻ vươn mình lớn lên.

Đó là 13 mụ bà giúp đỡ trẻ em từ lúc lọt lòng cho đến chết rồi tái sanh. Tôn thờ 13 vị là hợp lý.

Theo sách «Đài Bắc thị tuế thời ký» thì 13 mục bà là:

1. Trần Nhứt Nương có nhiệm vụ chú sanh
2. Vạn Tứ Nương có nhiệm vụ chú thai
3. Nguyễn Tam Nương có nhiệm vụ Giám sanh
4. Tăng Ngũ Nương có nhiệm vụ ẩm trao
5. Lâm Cửu Nương có nhiệm vụ thủ thai
6. Lý Đại Nương có nhiệm vụ chuyển sanh
7. Hứa Đại Nương có nhiệm vụ hộ sanh
8. Lưu Thất Nương có nhiệm vụ định nam nữ
9. Mã Nương có nhiệm vụ tổng tử
10. Lâm Nhất Nương có nhiệm vụ an thai
11. Cao Bát Nương có nhiệm vụ dưỡng sanh
12. Trúc Nhị Nương có nhiệm vụ bông con
13. Đỗ Ngọc Nương có nhiệm vụ đỡ đẻ

26. ANH LINH KHÔNG KỊ NGUYỆT HUYẾT

Tập tục và cấm trong Cao Đài giáo có nhiều điều khá đặc biệt có một ít tập tục không theo lối cổ truyền mà theo khoa học tiến bộ.

Về người hành đạo không những chọn trong hàng không chồng vợ, mà chọn cả những người lẫn lộn trong thế sự có tiền căn. Nhưng một khi đã hành đạo thì phải ly gia cắt ái. Còn nhiều tập tục khác, chỉ những người theo đạo mới biết được.

Trong một đàn cơ vắng mặt bà Giáo sư Hương Hồ, nên bà Bát Nương gọi, bà Hương Hồ trả lời: “*Vì có kinh*

nguyệt nên không hầu đàn được”. Do đó bà Bát Nương giảng cho bài:

THI

*Thân phận phàm như trước đã đành
Chẳng vì nguyệt huyết kỳ anh linh
Âm dương nam nữ hoa trên bướm
Hòa ái tương sanh thủy nhập bình
Tạo hóa ví tay xây đánh trí
Chúng sanh nên mặt tạo khuôn hình
Thợ trời đâu dễ chế đồ tạo
Tốt xấu sạch dơ tại miệng mình*

Đây là một quan niệm hết sức tiến bộ trong đạo Cao Đài. Nhưng sinh lý tự nhiên của con người được chấp nhận. Nhưng do con người tạo ra những nhơ nhớp để trục lợi thì không được thuận cho vào Đạo, như trường hợp bà Bộn dưới đây:

THI

*Bộn bâng kẻ tôi với người lui
Lui khỏi vòng ngoài tính cuộc vui
Vui Đạo không vui, vui tục sự
Sự hay sự dở chứa phân mùi*

Bà Bộn đến cầu Đạo, Đức Chí Tôn cho bài thi trên, nhưng không có chữ “thâu” tức là không nhận vào hàng môn đệ. Vì bà ấy là chủ tào kê. Trong cuộc hầu đàn chỉ có Giáo sư Đạt biết bà ta mà thôi. Cho nên khi cơ viết ra câu đầu ông Đạt bùm miệng sùng sục muốn cười, nhưng sợ thất lễ không dám cười ra tiếng. Lúc cho xong 4 câu, ông Đạt càng sùng sục hơn nữa. Khi bãi đàn, ông mới nói

cho mọi người biết có sự, ai nấy đều cho là huyền diệu.

Cũng đàn hôm đó, một người cầu đạo tên là Tích được cho bài thi như sau:

THI

*TÍCH đức cho con, TÍCH hỡi con
Con còn lẩn lú lắm nghe con
Con thương con cháu là thương Đạo
Đạo chẳng ở xa, ở tại con*

THÁU

Tuy ông Tích còn lẩn lú, không biết thương con cháu nhưng Đạo là nơi cải hóa con người vào đường lương thiện, nên Đức Chí Tôn thấu nhận.

Với đôi mắt phàm chúng ta không thể nào nhận được chân giả, cần phải có Mắt Trời (Thiên Nhân) mới thấu rõ mọi việc và chi chi không lọt mây lông. Mới biết Thợ Trời là kỳ diệu vậy.

27. NHAN UYÊN KỶ

Nhan uyên kỳ là cờ của Thầy Nhan Hồi tự là Nhan Uyên, học trò cứng của Đức Khổng Tử. Ông người cần mẫn, thức khuya dậy sớm, học Kinh Thi, chuộng kinh Lễ, làm việc gì không lầm lỗi hai lần, nói điều gì không cầu thả. Khổng Tử khen là người có nhân. Nhưng ông chỉ sống được có 31 tuổi thì mất.

Sử ký của Tư Mã Thiên viết về Nhan Hồi như sau: “Trong 70 môn đồ, Trọng Ni chỉ khen riêng Nhan Hồi hiếu học, mà Nhan Hồi (Uyên) thường xác xơ, ăn tấm ăn cám mà cũng không được no, lại chết yếu. Trời kia báo đáp

người thiện mà như vậy ư?”

Trong câu chuyện của Đức Phạm Hộ Pháp nói với ông Đinh Công Trứ, cai trường Qui Thiện ngày 12-8-Đinh Hợi (1947) như sau:

“Nhan Hồi buổi nọ cố công thật hành lý – thuyết bình đẳng nhân loại, tránh nạn tương tàn tương sát nòi giống, nhưng rốt cuộc chưa làm được thì chết”

Ngài nói tiếp:

“Em biết cây cò trắng trượng nó lên để làm gì? Biểu hiện ấy có phải để cứu nhân loại không? Chỉ một ngày kia, Thượng Sanh ra mặt đời là cây cò Cứu Thế, còn Thượng Phẩm cây cò Cứu Khổ. Qua đã thay cho Thượng Phẩm gây dựng đào tạo. Thầy trò ta đã chung chịu cực khổ, từ khoảng rừng xanh ít người lai vãng. Mà buổi nọ qua vắng mặt, em đi ngược Thánh ý của qua.”

“Cây cò trắng dùng để khi nước nhà nòi giống ta xô xát, cốt nhục tương tàn khốc liệt, vô phương cứu chữa, thì ngày ấy là giá trị của nó”

Ngày giờ nào có kẻ thất thế, yếu cô, rách rưới, lang thang, đói cơm, khát nước, khổ não tâm hồn của nòi giống, không ai bình vực che chở. Chừng ấy nhiệm vụ trọng yếu của Thầy trò ta phải ra gánh vác. Đó là CO CỨU KHỔ thực hiện”

Phong trào hòa bình chung sống do các ông Thoại, Kỳ, Đại, Lợi tổ chức Ban Túc trực Bến Hải cấm cò Nhan Uyên tại đó kêu gọi hai miền Nam Bắc sớm thống nhất, bị chánh quyền Ngô Đình Diệm giải tán.

Cũng nên biết vào ngày 23-10-1961 Sĩ Tả Phạm Duy Nhung thừa ủy quyền của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà

hàng Oái Kinh Lâm (Sài gòn) công bố các bức thư gửi qua Mỹ, Anh, Pháp (trong Hội nghị Genève) có đoạn viết “*Chúng tôi tin tưởng sự chân thành của quý quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi*” ông bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết.

Thật ra thì cờ nhan uyên không có, chỉ có trong lý thuyết mà thôi. Một hôm trước hàng môn đệ, Đức Khổng Tử đưa ra một đề tài để thảo luận. Giả thiết rằng trong nước có loạn thì làm cách nào để trị loạn hay nhất. Trong hàng môn đệ người trả lời cách này, kẻ trả lời cách kia. Chỉ có Nhan Hồi là đưa ra ý kiến: Làm một cây cờ trắng xông vào chốn ba quân, kêu gọi hai tiếng trách nhiệm chấm dứt đổ máu.

Ý kiến đó được Đức Khổng Tử cho là kế hay hơn cả.

Kết luận câu chuyện của Đức Phạm Hộ Pháp nói với ông Trứ là:

“Mấy em nếu có chí can đảm đến Thái Bình Dương sẽ gặp Thầy là buổi sau này kia. Dầu cho Thượng Sanh chừng đó có can đảm đến đó sẽ gặp. Bằng chẳng vậy, cây cờ CỨU THỂ của Thượng Sanh về tay kẻ khác hay là qua sẽ đến giữa trận giặc toàn cầu thứ ba”

28. BẠCH VÂN ĐỘNG

Thế thường người ta nói Bạch Vân Am, nơi Nguyễn Bình Khiêm về trí sĩ sau khi dâng sớ hạch tội 18 triều thần lộng quyền. Năm 95 tuổi Ngài qui tiên về Bạch Vân Động gồm có 3 vị gọi là Tam Thánh:

1. **Nguyễn Bình Khiêm:** Thánh danh Thanh Sơn

Đạo Sĩ, sư phó Bạch Vân Động (Le Maître de la loge Blanche) người linh Cardinal de Richelieu

2. **Victor Hugo:** Thánh danh Nguyệt Tâm chơn nhơn, Chương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo (Société de la Mission Etrangère) người linh Nguyễn Du.

3. **Tôn Dật Tiên:** Thánh danh Tôn Trung Sơn người linh là Nguyễn Trãi

Nhiệm vụ Tam Thánh là chăm sóc chư tín đồ, ban phép Tam Thánh (quen gọi tẩm Thánh) khai khiếu trẻ em và ban đạo hiệu cho tín hữu trưởng thành. Chia làm hai nhóm Bạch và Vân.

– Nhóm BẠCH gồm có Bạch Linh (Hồ Bảo Đạo), Bạch Minh (Hồ Thái Bạch), Bạch Tuyết (con gái ông Ngọc Lịch Nguyệt) ...

– Nhóm VÂN gồm có Vân Phong (Bảo Thế Lê Thiện Phước), Vân Tinh (Hiến Đạo Phạm Văn Tươi), Vân Đăng (HT. Trần Văn Rạng)...

Ngoài ra, có nhiều vị được Bạch Vân Động ban đạo hiệu mà không có hai chữ Bạch Vân.

Chẳng hạn: Giáo sư Thượng Bấy Thanh (Lê Văn Bấy), đạo hiệu là Phong Chí, Phối sư Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử) đạo hiệu là Ngạn Sơn. Phối sư Thái Đến Thanh (Huỳnh Văn Đến) đạo hiệu là Thông Quang... Dù đạo hiệu dưới hình thức nào, những vị ấy đều tuân theo lệnh của vị sư phó (Le Maitre).

DUỠNG SINH THI

Tích khí, tôn tinh, cánh dưỡng thân

Thiếu tư, quả dục, vật lao thân

*Thực thôi bán bảo, vô khiêm vị
Tửu chỉ tam phân, mạc quá tần
Mỗi bả hí ngôn, đa thủ tiểu
Thường hàm lạc ý, mạc sinh tân
Nhiệt viêm, biến trá, đồ hữu vấn
Nhiệm ngã tiêu dao quá bách xuân*

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

TẠM DỊCH:

*Giữ khí, gìn tinh, lại dưỡng thần
Ít lo, ít muốn, ít lao thân
Cơm nên vừa bụng, đừng nhiều vị
Rượu chỉ vài phân, chớ quá từng
Miệng cứ câu đùa vui miệng mãi
Bụng thường nghĩ tốt bụng láng láng
Nhiệt thành, biến trá, thôi đừng hỏi
Để tờ tiêu dao đến tuổi trăm*

29. ÔNG THIỆN ÔNG ÁC

Đứng trước đền Thánh nhìn vào, ta thấy có hai pho tượng mặc khôi giáp, đầu đội kim khôi. Pho tượng bên phải (ngoài nhìn vào) bức tượng có nét mặt hiền lành, tay cầm đại đao. Đó là ông Thiện. Đối xứng qua bên trái, bức tượng này cũng mặc khôi giáp nhưng nét mặt hung dữ, tay cầm búa đưa lên, tay kia cầm Ngọc ấn tử phù. Đó là ông Ác.

Tương truyền, trong Nhứt kỳ phổ độ, vua Tỳ Kheo về già lập một ngôi chùa để tu. Vua muốn truyền ngôi lại cho con là Tỳ Văn (Ông Thiện) nhưng ngại Tỳ Vũ (Ông Ác) tranh đạt. Thế nên vua cha xuống chiếu cho Tỳ Vũ đi ra biên cương chiêu mộ hiền tài. Ở triều đình vua làm

lễ truyền ngôi cho Tỳ Văn.

Khi Tỳ Vũ trở về thấy anh mình là Tỳ Văn trên ngôi vua bất bình mà nói rằng: *“Anh quá hiền mà làm vua, dân chúng không sợ đâu, hãy nhường ngôi lại cho tôi. Tôi dù là dữ với kẻ hung ác, bạo tàn, vô nhân đạo. Chớ tôi không dữ với những người hiền lương đạo đức”*

Tỳ Văn thấy Tỳ Vũ muốn làm vua, nếu ông chống đối như định lưu huyết sẽ xảy ra. Thế nên bỏ ngôi đem Ngọc ấn tỳ phù chạy lên chùa, nơi vua cha đang tu luyện để nhờ phân xử. Vừa mới tới cửa chùa thì hỗn viên tịch đắc Phật, bỏ Ngọc ấn tỳ phù lẫn lóc. Tỳ Vũ đuổi theo anh bắt gặp xác anh, hối hận về việc làm sai trái của mình, rồi thoát xác. Vì thế người đời mới nói: *“Tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời”*

Ông Thiện, Ông Ác tượng trưng cho hai mặt của cuộc sống nên Đạo Cao Đài tôn thờ cả sự Thiện và sự Ác vì ác đúng lúc là Thiện, mà Thiện không đúng lúc là ác. Hai trạng thái thiện ác trong xã hội được thể hiện luôn, nó thúc đẩy và hỗ trợ cho sự tiến hóa của loài người «*Thiện Ác giai thiên lý*» (Trình Minh Đạo). Nói một cách khác, Đấng Chí Tôn hiểu điều ác, tội lỗi từ trong bản chất để không kết án tội lỗi, nếu đôi lần có chê trách trừng phạt là để con người tiến hóa thành thiện. Thế nên, vượt lên Thiện Ác thì mới mong siêu thoát vì «*Hào ly hữu sai, Thiên địa huyền cách*» (Tăng Xán)

Không hiểu được cái lý cao siêu của Thiện Ác thì loài người còn chống báng lẫn nhau. *“Những giáo lý chủ trương chia đôi Thiện Ác, lấy Thiên đường dành cho hàng Thánh Thiện, lấy địa ngục làm nơi đầy kẻ tội ác thì đều hoàn toàn ảo tưởng”* (Nguyễn Duy Cần, Chu Dịch huyền giải, trang?).

30. TẢ ĐẠO CHIẾM BẢY NGẠI TRONG NỘI ĐIỆN

Hai ông Nhuận và Ruộng (Nguyễn Ngọc Điền) là công quả xây dựng Toà Thánh. Vì cuống vọng kéo một số người nhẹ dạ xuống tóc mặc áo dà không ăn ngũ cốc nên người ta gọi là Nhóm Tuyệt Cốc.

Mỗi người có một râu chuỗi bồ đề, họ tuyên bố đã luyện thành phép biến hóa, là bảo vật hộ thân. Cây, đá, người bị râu chuỗi đánh đều tan thành tro bụi, còn chỉ vào bộ ngựa ván thì ngựa ván bay cao.

Họ chuẩn bị tuyên truyền phép lạ như vậy để đợi thời cơ chiếm Đền Thánh.

Vào năm 1936, sau giờ Lễ Ngọ, các chức sắc chức việc và đồng nhi trở về phòng riêng. Đền Thánh lúc ấy chỉ còn anh Nghiêm, tuần quân đứng canh gác. Nên biết, Đền Thánh mới cất bằng cây ván thô sơ để vào ra.

Bỗng nhiên, anh Nghiêm nghe tiếng động rất lớn trong bửu điện. Anh vội chạy vào thì thấy độ mười người mặc áo dà (nâu), đầu trọc, tay cầm chuỗi bồ đề. Họ ra sức xô các cốt Phật, Tiên, Thánh, Thần ngã xuống.

Anh Nghiêm báo động, bốn đạo quanh Đền Thánh chạy đến thì thấy Bảy cái ngại đều bị các vị tả đạo leo lên chiếm ngôi chiếm chệ.

Bảy cái ngại trước cung Đạo là: 1 ngại Giáo Tông, 3 ngại Chưởng Pháp, 3 ngại Đầu Sư.

Trong Đền Thánh hết ghế nên một tên chạy ra trước Đại Đồng Xã tốt lên chiếm con ngựa càn trặc của Đức Phật Tổ đang cưỡi.

Bốn Đạo còn do dự vì sợ bảo vật của họ có phép. Nôn

nóng quá, một người liều mạng xông tới ngai Giáo Tông kéo tên tả đạo xuống. Y tung chuỗi đánh trả anh thanh niên. Nhiều bốn đạo thấy râu chuỗi không biến thanh niên ra thành tro bụi. Họ biết là đồ giả, nên hè nhau tiến tới xua đuổi bọn tả đạo chạy ra khỏi bửu điện. Trong cùng thời gian, tại Quan Âm Các ở Ngã Năm, hai nữ gian đạo sĩ xô cột Phật Quan Âm leo lên bàn thờ ngói xưng là Phật Quan Âm giáng trần, bốn đạo tấn công, hai nữ tả đạo tung chuỗi không hiệu nghiệm bị xô té rồi nằm vạ luôn.

Các tên cuồng vọng quyền tước bỏ chạy. Bốn đạo thu dọn, gom được một bị chuỗi hạt bồ đề không linh nghiệm. Đó là bài học để đời cho những kẻ hám vọng.

31. ĐẾ VƯƠNG DÒM XUẤT THẾ

Thầy đã tiên tri: “*Đạo khai là tà khởi*” Vào năm Mậu Dần (1938), bọn tả đạo phá rối nhiều nơi, nhất là ở Sân Đình (chân núi Bà Đen) và Sân Cu (xã Long Thành Bắc).

Đám ruộng phía sau Đền Thánh hiện nay, ngày xưa là sân bay hạng nhẹ của chủ đồn điền. Sân bay bỏ hoang từ lâu cỏ tranh mọc um tùm. Lợi dụng cảnh trí ấy, một số người đến cất hai dãy nhà. Ở giữa cất một lễ đài cao độ 40 thước. Dưới chân đài họ đổ độ 100 xe rơm làm nệm để tập bay. Số người cuồng vọng, nhẹ dạ đến cho họ chỉ về cách bay độ vài chục.

Hai ống tra cặp hai bên hông người, một cặp cánh làm bằng cây giống như cánh chim, ngoài có dán giấy trắng, to bằng cái sàng gạo. Cặp cánh này, khi muốn bay thì đúc vào hai ống tre đã cột sẵn hai bên hông.

Từ đài cao 40 thước họ nhảy xuống, cánh quạt

nhưng chẳng cất mình lên nổi mà bị rơi xuống đồng rơm dưới chân đài sây sát tay chân. Dù vậy tên cầm đầu trấn an: “*Tôi ngày Để vương xuất hiện thì bay như chim*”.

Vào 15 giờ ngày 14 tháng giêng năm Mậu Dần, một tên tả đạo mặc áo dài, đầu trọc, tay cầm một tấm bảng có viết 4 câu kệ đem cắm tại cửa số 1 Toà Thánh (cửa Hòa Viện). Tên tả đạo đọc bài kệ ba lần, đánh ba hồi trống rồi đi về hướng sân bay. Nội dung bài kệ: Báo tin 24 giờ đêm 14 rạng rằm tháng giêng tức lễ Thượng Ngươn sẽ có Để Vương xuất hiện cứu đời.

Chỉ có người trong nhóm họ mang sẵn cánh ngói chờ đến giờ Để vương xuất thế. Vào lúc 22 giờ, ba xe cam nhông lính mã tà do một viên đội người Pháp chỉ huy với súng đạn đầy đủ đến bao vây sân bay và lừa hết tất cả nam nữ đạo sĩ lên xe chở về khám Tây Ninh.

Hai dãy nhà đài bay, đồng rơm, các cánh cây đều bị viên đội phóng hỏa trước khi lên xe Camion về tỉnh. Từ đó, Tây Ninh không còn nghe thấy Để vương xuất thế nữa.

32. THẦY GIÁO VĂN

Khi thành lập Đạo Đức Học Đường (1928) thì đã có mặt Thầy giáo Văn rồi. Thầy dạy tiếng Pháp, hay nói tiếng Pháp, rất ghét các học trò bất trung, bất hiếu, bất nghĩa. Thầy Văn là biểu tượng của tinh thần trung kiên, nghĩa khí của nhân sanh. Thế nên, dân đạo coi tiếng nói của Thầy giáo Văn là tiếng nói của họ.

Bình sinh, Thầy Văn không ưa quân đội, ghét những tên võ biến. Thầy Văn chống đối ra mặt với bọn lừa Thầy phản bạn đó. Thầy Văn coi họ là những bọn rác rưởi là

ô uế cửa chùa.

Năm 1948, Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn, người thân tín của Đức Hộ Pháp lúc đó bị thuộc hạ của tướng Thành ám sát tại cửa số 4. Nhân sanh bàn tán xôn xao “*buynh đê tương tàn*”. Thầy Văn là người bộc trực dám nói thẳng sự thật. Tướng Thành giết người sẽ bị căn đày kiếp đọa, sẽ bị quả báo nhãn tiền. Thật vậy, sau đó Đức Hộ Pháp không cho tướng Thành nắm giữ trọng trách trong quân đội. Tướng Thành bỏ Đạo theo Bình Xuyên rồi bị Ngô Đình Diệm đày đi Côn Đảo. Năm 1963, Ngô Đình Diệm bị giết. Tướng Thành được tự do, Thủ tướng Nguyễn Khánh đưa ông về Tòa Thánh áp lực với Hội Thánh đưa ông lên chức Tổng Thanh tra Chính trị Đạo. Một chức không có trong Tân Luật Pháp chánh quyền. Ở chức không bao lâu, tướng Thành bị ám sát chết thê thảm tại văn phòng Thanh tra.

Sau vụ Phạm Ngọc Trấn, thầy giáo Văn diên luôn để tránh quân đội đàn áp. Thầy Văn đi lang thang cùng khắp Thánh Địa. Dù vậy, đâu đâu Thầy Văn cũng được học trò đón tiếp niềm nở cho ăn đầy đủ. Đức Hộ Pháp ban cho Thầy Văn chức Sĩ Tải giúp Thầy trở lại bình thường.

Trận chiến Điện Biên Phủ sôi động, một số trí thức đời theo Đạo được phong làm Đại tá như Hồ Hán Sơn, Phạm Xuân Thái, Trần Văn Tuyên....Thầy Văn nói thẳng đó là bọn gián điệp được cài vào Đạo trước sau vì chúng cũng bị thiên tru địa lục. Thầy Văn đã thay nhân sanh nói cái ý nguyện, cái thấy của họ, trong khi các cấp quân đội còn mơ hồ. Kết quả Hồ Hán Sơn bị trầm hà, những kẻ khác sợ sệt phải bỏ đi. Đó cũng là nhờ tiếng nói của Thầy Văn.

Năm 1955, tướng Nguyễn Thành Phương lập ban Thanh Trừng, chính Thầy Văn dám chỉ tay vào mặt bọn lừa thầy phản bạn, ăm cơm Đạo tạo danh đời, trước sau gì cũng bị dây oan nghiệt choàng qua cổ. Đó là vị Sĩ Tãi duy nhứt bên Hiệp Thiên Đài dám binh vực Đức Hộ Pháp trong lúc nguy nan. Thầy tên thật là Lê Văn Chương tự là Trần Ngọc Văn.

Ban Thế Đạo thành lập không bao lâu thì Thầy Văn qua đời trong Nội ô Thánh Địa. Đám tang của Thầy được các hiền tài vốn là môn đệ trực tiếp hay gián tiếp của Thầy lo tổng chung.

Sau đó, Thầy Văn nhập vào xác của một nam tín đồ xác nói: *“Đức Hộ Pháp cho Văn này làm Thiên Thần giữ Toà Thánh và Long Thành Bắc còn Trần Văn Xương trấn giữ Long Thành Nam”*

Sĩ Tãi đối phẩm Lê Sanh là Thiên Thần không có gì đáng ngạc nhiên. Tuy vậy, có người chưa tin đến gặp xác để thử. Xác nói về đời Thầy Văn rành mạch. Xác còn cho biết nước Việt Nam sẽ thống nhất. Dân Việt Nam sẽ giàu mạnh.

Gần đây nhất, năm 1993, Thầy Văn lại nhập vào xác của một nữ tín đồ. Đặc biệt lần này xác chỉ tiên đoán về hậu sự bốn mạng mà không nói gì về thời cuộc. Có người bạn cũ không tin là xác của giáo Văn đến Qui Thiệu (nơi có người đàn bà được nhập xác) xem thực hư. Người bạn vừa bước vào nhà. Xác nữ đứng dậy chào:

– Bonjour Monsieur Cộ! Depuis très longtemps je vous rencontre ici bas. Com ment vous portez vous?

Người bạn cũ tên Cộ hỏi:

33. SỬ MẠNG BẤT KHẢ THI (TRÁI BOM NGÀN KÍ)

– Phải là anh Văn thì tôi mấy tuổi và làm nghề gì?

Xác nữ (bà Út Hạnh) trả lời liền:

– Vous êtes un ma con qui construis le Saint Siège et quatre vingt – un ans (Anh là thợ hồ xây Toà Thánh và được 81 tuổi.)

Nên biết, xác người đàn bà Út Hạnh là người bình dân chỉ biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ mà thôi.

Nhưng khi xác Thầy Văn nhập vào lại nói được tiếng Pháp. Nhờ thế, nhân sanh tin là thầy Văn. Thầy là Thần hoàng của họ.

Có lần bà Út Hạnh viếng Cực Lạc Cảnh, chú Quân hỏi xác:

– Nếu là bác Hai Văn thì chắc biết ba tôi?

Bà Út rùng mình, Thầy Văn nhập xác đáp:

– Cháu là con của anh Huệ Chương bạn dạy học với Bác chớ ai!

Xác Thầy Văn cho biết, ngày còn ở thế gian thì nói gì cũng được, khi qui hồi cựu vị thì có luật Thiên điều không thể tiết lộ Thiên cơ.

33. SỬ MẠNG BẤT KHẢ THI (TRÁI BOM NGÀN KÍ)

Sau khi Pháp bắt Đức Phạm Hộ Pháp và năm vị chức sắc đầy sang Madagascar thì quân đội Pháp vào đóng binh (1942) trong nội điện Đền Thánh, để âm mưu diệt Đạo.

Vào mồng năm tết Bính Thân tại Nam Vang, anh Ba Tất đọc mục Courriers des Lecteurs trên tờ tuần báo Paris Match (Pháp), thấy một bài viết của thiếu tá Rouband người Pháp nhờ đọc tin về một nền Tân Tồn giáo mà

ông nhớ lại Toà Thánh Cao Đài Tây Ninh. Nơi trước kia Rouband đã từng đóng đồn trong quân đội viễn chinh Pháp.

Giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng ngay trên nền Toà Thánh mới xây cất chưa kịp lát gạch. Họ được lệnh đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài chôn một trái mìn ngàn kí.

Chính quyền Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài liên kết với Nhật nên quân Nhật thế nào cũng giải vây Toà Thánh. Chừng đó mới châm ngòi nổ vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Đức Chí Tôn rong ruổi, Nhật không tới, viên tiểu đoàn trưởng lại được lệnh bàn giao cho Rouband làm chỉ huy mới. Ôn trên xui khiến không để ghi "*Mission impossible*" trên biên bản bàn giao là phải cho nổ sập Đền Thánh trước khi rút đi.

Tiểu đoàn của Rouband là đơn vị cuối cùng chiếm đóng Đền Thánh khi rút đi đã không thi hành "*Mission impossible*" (Sứ mạng bất khả thi)

Sau cùng, Rouband trân trọng loan báo cho Hội Thánh Cao Đài biết rõ tin này, Đức Hộ Pháp hay tin chỉ cười và bảo: "*Nếu không có ai cầu điện mà giật thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi*"

Xem thế, Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, nơi Thầy ngự, đâu thể bị phá đổ một cách dễ dàng như ý nghĩ nông cạn của một ít người.

34. CHỨNG NGỘ ĐẠO

Đức Chí Tôn lập Đạo cứ trên thiên tính của Đức

Hộ Pháp thì Ngài cũng giao bí pháp Đạo nơi tay Hộ Pháp. Ngoài việc giảng giải về bí pháp của Đức Hộ Pháp, dân Đạo còn truyền miệng về nhiều lời tiên tri của Ngài.

Chẳng hạn những từ: “*Bất gió nắn hình*”, ám chỉ việc hành đạo không vốn liếng mà phải gom sức gió muôn phương nắn thành hình tượng Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế. Việc đó không phải dễ! Nếu không đủ đức tin và uy tín để đồng đạo nghe theo. Toà Thánh xây cất là do sức bất gió nắn hình của Đức Hộ Pháp.

Khi ông Nguyễn Bửu Tài đưa phái Tiên Thiên về Toà Thánh, ngày 3-1-Canh Dân (1951) Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ân phong 2 Phối sư, 8 Giáo sư, 29 Giáo hữu, 52 Lễ sanh (kể luôn cuối năm đó). Với số lượng chức sắc lớn như vậy mà không có một tín đồ nào khiến dân đạo tại Thánh Địa suy bì. Đức Ngài nói: “*Các em đừng lo, rồi đây áo mào máng đầy rừng thiên nhiên, có ai đem đi đâu mà sợ*”. Thật vậy, chẳng bao lâu mấy trăm chức sắc phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo «*cuốn tượng*» về quê cũ.

Từ đó, danh từ «*cuốn tượng*» rất được thịnh hành trong vùng Thánh địa, ám chỉ những kẻ chối Đạo, bỏ Đạo. «*Cuốn tượng*» dẹp trang thờ Đức Chí Tôn vì không trụ vững Đức tin.

Chuyện Đức Ngài giải long tuyến kiếm ở Phú Mỹ, chuyện tiếp Kinh Phật Mẫu ở Kiêm Biên v.v... Không thể kể những điều bí nhiệm hết được. Khi còn nhỏ quạt hầu Đức Ngài ở Hộ Pháp Đường tôi mê xem phim «*Con Bạch Tuột*» ở rạp «*Dân Tiến*» mà vào muộn. Đức Ngài rầy nhẹ: “*Sắp nhỏ mê xem hát quá hé! Thời gian nữa gánh hát sẽ đến hát tận nhà. Lúc đó không thêm coi mới kỳ lạ chớ!*”. Bây giờ, tôi mới biết Đức Ngài muốn ám chỉ về truyền hình

hay video. Chao ôi! Ngài nhìn xa, xa quá...

Năm 1952, Lễ khai giảng trường Nghĩa Thực Lê Văn Trung, khi diễn vở «*Vì nước quên mình*», tôi đóng vai Ngô Tùng Châu (quan Văn), Hồ Hoàng vai Võ Tánh. Vở diễn rất hay, Đức Ngài thưởng Hồ Hoàng tiền, còn tôi Ngài dặn đọc «*Kinh nhập học*». Tôi chẳng hiểu gì cả, nên sau đó có hỏi Thầy Quyết, giáo sư Việt Văn. Được Thầy giải thích như sau:

«Hai câu chót bài Kinh nhập học là:

*May duyên gặp Hội Long VÂN
Thuyền thơ ngọn giáo các ĐĂNG xuôi đũa*

Hai câu đó lấy điển tích về danh thi Vương Bột nhờ gió đưa đến Đẳng Vương Các đề thơ để đời. Đức Hộ Pháp biết trước sau này em sẽ rạn vỡ về ngành văn chương nên ban cho đạo hiệu (hay bút hiệu) Vân Đẳng, trong chính tác phẩm của Ngài».

Về sau, được Đức Thanh Sơn xác nhận Đạo hiệu đó.

Vào năm 1984, tôi mắc cơn bệnh trầm kha, bệnh viện tỉnh phải đưa về bệnh viện Nhiệt Đới thành phố. Khi đến nơi đã 11,15 giờ nên bệnh viện từ chối không nhận bệnh, nhà tôi năn nỉ mãi họ mới nhận.

Ba giờ chiều hôm đó, bác sĩ phòng chăm sóc đặc biệt báo cho vợ tôi biết: Bệnh viện không có thuốc trị bệnh nhiễm trùng máu mà phải mua bên ngoài, mỗi ngày độ một chỉ vàng.

Thấy vợ con cực khổ, đêm hôm đó tôi cầu xin các Đấng cho tôi được chết nên đọc câu: “*Thầy biết ta, ta hằng tại*” rồi thiếp đi. Tôi cảm thấy chơn thân rời khỏi thể xác rơi vào một cõi trống không kỳ lạ, bị giới lên giới

xuống như nằm trên mình trên chiếc võng to. Vía tôi tự hỏi “*Minh đã chết hay sống?*”. Tôi định thần thấy chơn thân giống như thể xác mình nhưng không phải bằng xương bằng thịt mà là một chất khí. Với chơn thân tôi muốn đến đâu cũng được, chỉ nghĩ là thấy ngay trong chớp mắt như được phép mầu của ơn trên hỗ trợ. Tôi cảm thấy chơn thân tỏa rạng hào quang chẳng còn bệnh nữa mà mập mạp phát tướng. Tôi nhắc chân nhẹ tới vùng núi cao tươi đẹp của Bồng Đảo, gặp Đức Cao Thượng Sanh Ngài nghiêm sắc mặt phán:

*“Đệ tử chưa tròn Thiên mạng, còn trọng trách ở trần gian. Hãy thực hiện lời đã hứa với Bản Đạo viết về “**Công Đức Đức Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật, Ngôi thờ Đức Chí Tôn và Bát Quái**”.* Vừa nghe đến đó, bỗng nhiên như có ai cắt dây võng làm cho tôi từ trời cao rớt xuống đất. Tôi giật mình thức giấc, trong người thấy dễ chịu hơn. Tròn 2, 3 ngày thì tôi xuất viện. Đó là nhờ huyền diệu thiêng liêng hỗ trợ, một bệnh coi như chết mà được sống lại.

Sau đó, lấy lý do bệnh ngặt, tôi xin nghỉ dạy luôn. Để thực hiện lời dạy của Đức Thượng Sanh, Tôi phải thiền định để tiếp xúc với Ngài, để nghe lời Ngài dạy rõ ràng hơn...

Đến tháng 3 năm Kỷ Tỵ, vào tiết Thanh Minh cây mai trước nhà tôi bỗng nở vàng ối. Tức cảnh sinh tình tôi đề thi:

*Vào tiết Thanh Minh mai nở vàng
Mưa hòa gió thuận thời kim hoàng
Chùm bông nặng gánh màu tơ óng
Vững gốc mạnh cành bóng tỏa lan*

Hương nhẹ thì thâm vài nụ tía
Nhụy đượm chen chút một màu cam
Người hoa nay trước thường tương ngộ
Mong ước tin Mai đất trở vàng.

Nhà thơ Thảo Anh họa như sau:

Thanh Minh mai nở cánh khoe vàng
Ấy lộc ân ban của Địa hoàng...
Đơm nụ hứng sương đùa giỡn nguyệt
Khoe màu trên gió, gheo phong lan.
Ong vờn vì bởi say hương thắm
Bướm lượn như mừng thích vị cam
Lương Ngọc, Hạnh Ngươn xưa tái ngộ
Vân Đăng ắt được một cành vàng

Tôi chưa giải thích được hiện tượng trên, ngoài màu VÀNG. Kể đến tháng 3 năm Quý Dậu, cây mít trước nhà tôi ra trái giống như quả hồ lô của Đức Lý Ngưng Vương. Tôi cho là điềm lành.

Nhà thơ Thảo Anh cảm hứng vịnh Thi:

Trời cho giống mít tựa hồ lô
Điềm lạ đến nhà ắt lợi vô
Trái lớn chín đầy bầu nhứt nguyệt
Minh tròn đựng cả máy Huyền Cơ
Xẻ ra hiện rõ lòng son sắt
Để vậy ẩn tàng lý đạo thơ
Mùi vị ngọt ngào cõi hư vô

Tôi phụng họa:

Âm dương sanh hóa mít hồ lô
Kể lại người qua cứ ngó vô

*Phước Đức Trời ban bởi mạch sống
Hồng ân Đất tặng vốn sinh cơ
Sâm hoành Thiết Quả lừng bầu rượu
Đầu chuyển Đồng Tân thổi sáo thơ 2
Hương tỏa nứt quần lan khắp lối
Tưởng chừng hôn lãn cõi hư vô*

Đó là những hiện tượng mà mắt thường của nhân thể khó giải thích tường tận. Tâm chỉ cảm nhận thời chớ không biết đó là 2 điểm tiền khả cho việc sau.

Tại Thảo Xá Hiền Cung, vào ngày rằm tháng 4 năm Quý Dậu (tức sau sau ngày Triều Thiên của Đức Hộ Pháp). Trong lễ ngộ Trời, lúc Nhạc tấu quân Thiên: Phật, Tiên, Thánh ngự đàn, tôi thoáng thấy Đức Hộ Pháp nhá Kim Tiên khai huệ quang khiếu, mắt tôi đổ hào quang hiện Diệu quang Tam thanh (ba vòng vô vi có 3 màu vàng, xanh, đỏ). Văng vẳng nghe Thầy dạy: “Đó là lễ truyền tự pháp, hãy để cho mọi người khám phá sự CHỨNG NGỘ của môn đệ, trước khi môn đệ cho họ biết”. Cả đàn cúng đều thấy tôi quỵ xuống và lê bước đến bàn Vi Hộ Pháp cúi lạy tạ ơn.

Sau đó, không lâu Ni cô Diệu Huệ ở chùa Hưng Thái phát hiện thấy người tôi không giống trước kia mà mập hơn, trẻ hơn, sáng láng hơn. Cô nói: “Thầy đã phát huệ!”.

Đến ngày 15-5-Quý Dậu, hiền tài Ngô Văn Non có bệnh cao máu kéo dài gởi tôi một bức thư nguyên văn như sau:

«Kính trình Trưởng huynh,

Qua Thánh ý của Trưởng huynh, Tiểu đệ kiểm lại thấy mình còn nhiều khuyết điểm:

1- Tuổi cao, sức mỗi mệt

2- Bệnh tật luôn

3- Chưa tròn giới luật: Tam qui, ngũ giới, tứ đại điều qui.

Bởi những thiếu sót đó nên tiểu đệ rất tiếc không đáp ứng được Thánh ý của Trưởng huynh nhằm nâng đỡ đàn em trên đường đạo đức.

NGÔ VĂN NON»

Đây là lần đầu tiên tôi nghe một bạn đạo nói:

«Thánh ý của Trưởng huynh». Thật sự tôi chưa bao giờ kêu gọi ông Ngô Văn Non tịnh luyện. Hiểu ra, ông Non nằm mộng thấy tôi đến nhà khuyên ông thiền định. Như thế, tôi đã phân thân đi gặp ông sao?

Đến ngày 13-6- Quý Dậu, sinh viên kiến trúc tên Hưng ở cửa số 7 thấy huyền diệu hào quang hiện hướng Thảo Xá Hiền Cung. Hưng ra tận nơi gặp thủ tự Nghĩa hỏi thời gian qua ở Thảo Xá có hiện tượng lạ nào không? Rồi Hưng vào TXHC quan sát, khi thấy tên VD trên bài cổ thi. Hưng hỏi thủ tự Nghĩa và đến nhà riêng gặp tôi. Hưng nhìn tôi từ đầu tới cuối đặt câu hỏi để kiểm tra những điều mà Hưng đã riêng thấy. Hưng không nói những điều đã thấy mà hỏi tôi:

– Thưa Thầy, trong Thánh Ngôn Hiệp tuyển quyển I có ghi: Phật tông nguyên lý, vậy PTNL là phái Đạo hay quyển sách? Cũng trong Thánh Ngôn, Đức Chí Tôn dạy: «đại ân xá, tận độ chúng sanh» mà trong lời thể nhập môn có câu: Như ngày sau phạm Thiên điều thì có Hộ Pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục» hai ý đó có mâu

thuần không?

Tôi ôn tồn giải thích cặn kẽ và kết luận: Phật tông nguyên lý là một quyển sách; đại ân xá và đọa tam đồ không mâu thuẫn.

Tôi cũng khai mở đường tu cho Hưng bằng các câu:

– Túc Đạo, Túc Tâm hà phương kiến? (Tâm là Đạo, Đạo là Tâm, tìm chỗ nào?)

– Nhon nhon hữu cá linh quang điểm. Bất tạ sơ thông tắc bất minh.

(Người người đều có điểm linh quang, chẳng khai thông thì chẳng sáng)

Sau đó một thời gian, hiền tài Trần Thái Sơn từ Mõ Công về yêu cầu tôi giảng về cơ giải thoát. Anh nói anh linh cảm tôi đã thiên định chứng ngộ, nên phải giúp đỡ vợ chồng anh ấy.

Tôi làm thỉnh, anh nói tiếp: *“Tôi đã đọc Đại Thừa Chơn giáo của phái Diệu Minh, Con đường giải thoát của Thông Thiên Học, Thiên Tông Việt Nam của Thích Thanh Từ ... tôi vẫn không tìm thấy con đường giải thoát”*

Anh lần lựa đợi đến Ngọ thời xem tôi có thiên định gì không. Tôi chỉ thắp nhang trên Thiên bàn rồi mời anh ăn cơm chay. Ăn xong anh lại nhắc tôi về con đường giải thoát. Anh hỏi tôi: Chơn sư của ta là Đức Chí Tôn hay Đức Hộ Pháp?

Tôi nghĩ không nói rõ cho anh Sơn đôi điều thì anh ấy chắc không *“quay trở lại”* (Paravriti) mà đảo ngược tâm ý. Thế nên tôi chậm rãi nói một ít kinh nghiệm thiên bản thân.

Thiền không ở trong ngôn ngữ văn tự hay kinh điển. Thiền ở nơi tâm ở chữ vô. Thiền bắt đầu từ đó và cũng chấm dứt từ đó “*Vô tâm đạo dã tâm*” không có thiền thì không có chứng ngộ. Ngộ là thước đo của Thiền, nó không những là sự thanh thản mà còn là một kinh nghiệm nội tâm không có dấu vết của tri thức, một sự trở chiều với trạng thái thường ngày. Thiền là cảm xúc của sự cõi mở an nghỉ hoàn toàn.

Cái cảm giác “*trở về quê nhà và lặng lẽ nghỉ ngơi*”. tự tu, tự hành, tự thành. Chứng ngộ sẽ diễn ra một cách đột ngột và nhất thời. Nếu không phải đột ngột và nhất thời thì không phải đốn ngộ.

*Phật Tiên bốn thị phạm như tổ
Liễu ngộ phạm như tức Thánh như
(Phật Tiên vốn thật người phạm đó
Hễ ngộ phạm như tức Thánh như)*

Dù vậy, anh bảo anh không thể ra về tay không mà giải thích cho vợ anh hiểu được. Trời sập tối. Đường về Mộ Công xa. Tôi buộc lòng phải đưa anh bản «*Trường Dương Tinh Khí Thần*» tôi nhắc anh, đây chỉ là bản đúc kết kinh nghiệm bản thân, hãy coi nó là phương tiện, không nên xem nó là cứu cánh vì không ai thay ta làm cho ta đắc đạo.

35. CHẤP BÚT THÁNH GIÁO GIÁNG TỪ CUNG BẮC ĐẦU

Sau khi được Đức Cao Thượng Sanh hiển linh cứu thoát bịnh hiểm nghèo, tôi được Đức Ngài giao trọng trách viết các quyển “*Công Đức Đức Phật Mẫu, Ngôi Thờ Đức Chí Tôn và Bát Quái Cao Đài*”. Quả thật là điều quá khó khăn.

May mắn trước đó khi còn học ở Sài Gòn tôi thường đến Thánh Thất Đô Thành học đạo Thiên, phò cơ chấp bút với Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, lúc đó (1956) Ngài bị chỉ định cư trú ở đây. Về sau, tại Thánh Thất Thị xã tôi được Đức Hộ Pháp khai huệ quang khiêu như đã viết ở bài 34.

Nhưng làm sao viết được ba quyển trên. Tôi nhớ trong Thánh ngôn, Thầy dạy ông Phối sư Bính “*vẽ con mắt Thấy trên vì sao Bắc Đẩu*”. Thuở nhỏ, tôi cùng các bạn có lên lầu chuông Tòa Thánh hướng về phía Núi Bà tìm sao Bắc Đẩu nơi cuối chân trời. Lớn lên đọc sách thấy bà H.P. Blavatski, nhà ngoại cảm Nga nói: “*Sao Bắc Đẩu nhìn xuống trái đất với đôi mắt ngoại cảm từ đầu Bình Minh cho đến cuối Hoàng hôn nên một Ngày Đại Khí (Un jour du Grand Souffle)*”. Đạo Cao Đài thờ chữ KHÍ là vì vậy.

Quả thật vậy, chòm sao Bắc Đẩu có liên quan mật thiết đến nhân loại qua trung gian Kim Tự Tháp. Nói một cách khác, ánh sáng sao Bắc Đẩu là luồng sóng của thần linh truyền dạy các đồng tử.

Các nhà khoa học đều nhận định rằng Kim Tự Tháp lớn nhất đặt tại Bắc vĩ tuyến 29°05'8" 22. Và vì sao Bắc Đẩu nhìn xuống Kim Tự Tháp đúng 1°08'78. Tổng cộng 2 số tròn 30 độ. Trong “*Con đường thiêng liêng hằng sống*” Đức Hộ Pháp thường nhắc đến Kim Tự Tháp này.

Sau khi nhận lệnh nơi Đức Cao Thượng Sanh, tôi nghỉ dạy. Trong nhiều năm liền, tôi áp dụng phương pháp Ngài Trương Hiến Pháp chỉ cho Thiên định hướng về hướng Bắc Đẩu rồi chấp bút. Bút viết nhanh lên giấy những điều tôi muốn biết và những điều thần linh dạy. Sau này tôi chỉ coi theo đó chỉnh văn và chép lại thành sách.

Tôi cho đó là hồng ân, đại nguyên khí mà Thầy ban cho toàn đạo còn tôi chỉ là người trung gian sao chép mà thôi.

Để giải thích “*Sự chứng ngộ Đạo*” (bài 34) một cách khoa học. Xin dẫn tài liệu trong báo “*Science et Vie*” số tháng 11 – 1997 như sau:

Cho đến năm 1980, các bác sĩ mới nhận ra thuốc gây mê Kétamine khiến cho bệnh nhân cảm thấy xuất hồn rời khỏi cơ thể nên không cảm thấy đau. Nhà tâm thần học Karl Jansen người Anh phát hiện Kétamine bám vào cơ quan thần kinh phụ cảm N- méthyl – D – aspartate để ức chế mà gây nên trạng thái xuất hồn.

Viện Gallup Mỹ thống kê 15% dân Mỹ đã từng sống qua trạng thái xuất hồn. Khởi đầu, cảm thấy thoát ra khỏi cơ thể, đi qua vùng tăm tối, có cảm xúc mãnh liệt rồi nhận ra ánh sáng huyền ảo xen lẫn tiếng nói hư không “*Giờ của bạn chưa tới*”, rồi gặp được người thân quá vãng hay Tiên Thánh, cảm nhận trở nên minh mẫn, sáng suốt thấy mọi việc, đến mức giới hạn nào đó, hồn quyết trở lại thế giới loài người, cuối cùng nhập vào cơ thể của mình. Tỉnh dậy con người thấy khoẻ khoắn và minh mẫn hơn xưa.

36. CON ĐƯỜNG THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG (TOÁT YẾU DIỄN THI)

BÀI 1

TỪ HIỆP THIÊN ĐÀI ĐẾN CUNG ĐẠO

*Con đường hằng sống thiêng liêng
Vững tâm tu luyện lên miền Bồng Lai
Bước theo nấc Hiệp Thiên Đài
Rời lên bậc Cửu Trùng Đài mệnh mông
Huệ quang khiểu nên tinh tường*

*Ba đường phải chọn một đường mà tu
Mê tâm cũng đến Rừng Nhu
Huệ tâm Cung Thánh trở về cõi Trên.*

BÀI 2

CUNG THỂ THIÊN HÀNH HÓA

*THỂ THIÊN HÀNH HÓA là cung
Biến hình hóa kiếp linh hồn siêu thăng
Phải qua cầu ách hào quang
Gặp ghềnh Bích Hải vô tâm té nhào
May duyên vượt khỏi sóng xao
Không duyên thân phải quay đầu trần gian
Mỗi dây oan nghiệt buộc ràng
Tu nhân tích đức lại tâm về nguyên*

BÀI 3

CUNG THỂ THIÊN HÀNH HÓA (TIẾP)

*Con đường dẫn đến chân Tiên
Con đường Hằng sống diệu huyền làm sao!
Người tu luôn đặt lên đầu
Tồn tâm dưỡng tánh qua cầu bình an
Tuy rằng ở thế xuê xang
Ông Kỳ cõi thọ là hàng Giáo sư
Đó là kiếp trước năng tu
*****???*

BÀI 4

BÁT QUÁI ĐÀI

*Cảnh đài Bát Quái đẹp sao
Lâu đài tám cửa xiết bao lạ kỳ
Càn khôn, Đoài Chấn, Khảm Ly*

Hào quang chiếu diệu người đi biển bình
Hành tàng kiếp sống lung linh
Bao nhiêu chuyện trước của mình hiện ra
Vào trong thì lại khác xa
Người nam hóa nữ, trẻ ra người già
Bởi chưng lòng dạ chua ngoa
Thương yêu tu luyện xóa nhòa oan khiên.

BÀI 5

CUNG TẠO HÓA THIÊN

Tôi cung TẠO HÓA (huyền) THIÊN
Thương yêu làm gốc như nhiên nơi lòng
Môi rung thấy Bát Cảnh Cung
Mạ sanh, mẹ độ Cửu Nương an bày

BÀI 6

DIÊU TRÌ CUNG

Diệu Trì Phật Mẫu độ sanh
Vô vi huyền bí tạo hình đoạn căn
Cảnh vườn Ngân Uyển quyền năng
Hoa thiêng biển hòa triệu lãn trần gian
Diệu huyền một dải sông Ngân
Hào quang Đức Phật Quan Âm độ đời
Thuyền từ đậu bến chờ người
Tâm tu thoát tục lên đài siêu thắng

BÀI 7

DIÊU TRÌ CUNG (BÁT HỒN)

Điểm linh quang hiển hiện rời
Bát hồn vận chuyển đến hồi hóa sanh
Từ muông thú tu luyện thành

*«Khôn ngoan là quỷ», hóa thân khó trông
Cứ quen cái thói tương tàn
Thú cầm khó thoát, Thiên Đàng khó mong*

BÀI 8

CUNG HIỆP THIÊN HÀNH HÓA

*HIỆP THIÊN HÀNH HÓA là cung
Đủ phương đủ chúc bảo tồn lê dân
Tám hào quang, tám chơn thần
Lớp vào lớp tới, trọn lành được qua
Hiệp Thiên Hành Hóa cung hoa
Bảo toàn sanh chúng vị tha độ đời
Nêu câu "tận độ" loài người
*****???*

BÀI 9

HẠNG UỖN TAM CHUYỂN

*HẠNG UỖN TAM CHUYỂN lo rầu
Tranh giành chém giết để sấu nhân sanh
Hiệp Thiên Hành Hóa thuyết minh
Con đường pháp chánh, công bình từ tâm
Chí Tôn chan giọt hồng ân
*****???*

BÀI 10

TRIẾT LÝ VÊ TƯ KHỔ

*Phật Kim Cang buổi sơ sanh
Căn duyên tứ khổ sinh thành mà ra
Làm người đều phải trải qua
Tu hành công quả tâm hòa thiện tai!
Trả vay do kiếp trần ai*

Làm lành lánh dữ ăn chay đạt thành.

BÀI 11

TÔN GIÁO LẤY TINH THẦN LÀM CĂN BẢN

*Gia Tiên Ông truyền giáo chọn tâm
Chọn thân Lão giáo dụng làm cơ duyên
Khổng Khâu lấy trí làm nền
Thế gian bất nhứt không nhìn cội căn
Chỉ Tôn chỉ lấy tinh thần
Giáo dân hai chữ “Nghĩa Nhân” thương người.*

BÀI 12

BÁC ÁI CÔNG BÌNH

*Công bình, bác ái, từ bi
Tôn giáo hoàn vũ đều vì nhân sanh
Cao Đài xuất thế tâm thành
THIÊN NHON HÒA ƯỚC điều lành ban ra
Chủ trương các Đạo một nhà
Vạn thù nhứt bốn hiệp hòa vạn linh*

BÀI 13

NĂNG LỰC THƯƠNG YÊU

*Gần lương thiện, lánh phạm tâm
Làm cha nuôi sống âm thầm dạy con
Làm thầy nhượng phẩm Thiên Thần
Làm người phải giữ nhân luân trong đời
Ngày nào lương thiện đều nơi
Là giờ Đại Đạo đến thời hoàng kim*

BÀI 14

HẠNH PHÚC CHƠN THẬT

*Thương yêu hạnh phúc trên đời
Đi đi, đến đến do người tạo ra
Vào đạo rời cảnh ta bà
Thương yêu chơn thật MỘT CHA tôn thờ
Huệ giang chiếu diệu hư vô
Thánh thời tịch diệt cao đồ siêu thăng*

BÀI 15

LUẬT THƯƠNG YÊU QUYỀN CÔNG CHÁNH

*Vạn Linh hiệp với Chí Linh
Đức tin trụ khối nên hình Càn khôn
Quyền công chánh, luật yêu thương
Hồi quang phản chiếu tâm phương sửa mình
Yêu thương yêu luật dạ định ninh
Quyền Công Chánh phải chính danh ở đời
Nhờ gương huệ kiếm của Ngài (HP)
Giúp cho Thánh Thể tương lai mãi còn*

BÀI 16

DTC TIÊN KIẾP ĐỨC PHẬT MẪU

*Ngươn linh Phật Mẫu Shiva
Đất trời phân cực Ngài là ngôi âm
Đức Chí Tôn chủ dương thân
Âm Dương hiệp nhứt thành tăng côi trần*

BÀI 17

NGƯỜI ĐẸP VÀ CON THÚ

Mỗi người đều có thú tâm

Làm sao dứt bỏ mới thành chơn tu
Âm dương hai ngã lù mù
Bên ác bên thiện phân bờ được thanh
Dương hơn là thuốc trường sanh
Diệt đi thú tánh trở thành Thần Tiên

BÀI 18

NGỌC CHỦ CUNG, NAM TÀO BẮC ĐẤU

Tu lâu mới biến được thân
Thiêng liêng hằng sống vô ngần đẹp tươi
Nhìn nhau là đã nói rồi
Linh hồn chẳng có phân ngôi Thánh Thần
Phật Tiên quan niệm cõi trần
Chỉ có tông tộc Quan Âm Từ Hàng
Phẩm hàm mình tự định phân
Nam Tào, Bắc Đẩu mạng căn dự phân

BÀI 19

H THH CÁC TÔNG ĐƯỜNG

Tông đường ba loại thấp cao
Quan Âm Bồ Tát đứng đầu thật oai
Tông được Địa tạng thứ hai
Thứ ba Di Lạc, Cao Đài kém chi
Coi chừng bị trục xuất đi
Gia đình từ bỏ còn gì đường tu

BÀI 20

CUNG PHỤC LINH

PHỤC LINH TÁNH PHẬT Kim Câu
Quơ qua một kiếp nhớ hầu hết xưa
Hóa nhân gồm cả Kỳ Ba

*Phật Vương Di Lạc mới là nguyên nhân
Chơn linh vào Ngọc Hư Cung
Là nơi an ủi cho hôn ăn năn
Chẳng ai dạy dỗ khuyên răn
Tự tu, tự tịnh, tự làm, tự nên
Đó là lời dạy ơn Trên
*****???*

BÀI 21

CUNG PHỤC LINH: CÁC NGUỒN ĐẠO

*Quyển kinh vô tự chỉ duyên
Tông đường chịu nhục về mình khổ thay!
HẠNGUỒN TAM CHUYỂN dần trôi
THƯỢNG NGUỒN TỨ CHUYỂN là hồi hiệp nhau
ĐẠI ĐỒNG NHÂN LOẠI khơi màu
Phủ từ tạo lập xây cầu tương giao*

BÀI 22

CPL CƠ GIẢI THOÁT

*Tứ thời luôn niệm danh Thầy
Thì CƠ GIẢI THOÁT có ngày khai tâm
Phục Linh đài các thâm thâm
Chói lòa như ngọc hào quang vàng vàng
Huỳnh Kim Khuyết trị thế gian
Mau làm công quả cứu thân kiếp này*

BÀI 23

LINH TIÊU ĐIỆN

*LINH TIÊU ĐIỆN, phép vô biên
Diệu huyền vạn pháp oai nghiêm cõi Trời
Huỳnh Kim Khuyết hiện một ngại*

*Thần Tiên cứu phẩm cân đại ngự triều
Xét ai thắng “khó” mọi điều
Chí Tôn cứu rồi tiêu diêu chơn hôn.*

BÀI 24

LINH TIÊU ĐIỂN (TIẾP)

*Chơn Thần định vị Ngọc Hư
Tông đường đại nghiệp đường tu đạt thành
Tiến lên trọn kiếp hằng sanh
Huỳnh Kim Khuyết nội phân danh an nhàn*

BÀI 25

CỤCLẠC THẾ GIỚI – NIẾT BÀN

*Cửu Thiên khai hóa hằng sanh
Thác về CỤCLẠC chơn linh an nhàn
Vui hơn cõi Ngọc Hư Cung
Thanh tâm tự tại luyện công phu hoại
Linh quang chiếu diệu trần ai
Quyền năng vô đối sánh tài hóa công*

BÀI 26

CỬU THIÊN KHAI HÓA TÔNG ĐƯỜNG
THIÊNG LIÊNG

*Kiếp sanh có ba tông đường
Ngoại thân, trí Phúc, nội thân tham thiên
Nhứt thân ức vạn diệu huyền
Chơn linh đầu kiếp tòa sen ta ngồi
Đừng để tâm vật phân đôi
Quý vương quấy động hết đời tu chơn
Giải về KIM TỰ THÁP Pérou
Cây dương to lớn hình thù lạ thay!*

*Chẳng giống nơi cõi trần ai
Ngũ thiên, ngũ giới lá rơi cam lồ
Chơn hồn nào cũng muốn vô
Liên đài chức sẵn mờ mờ pháp linh
Đạt không là chỉ tại mình.
*****???*

BÀI 27
CÔI NIẾT BÀN

*Đức Di Lạc ngự liên đài
Tuyển phong Phật vị tay Ngài chọn thâu
NIẾT BÀN Cực Lạc để đâu
Tây Phương khó tới, đường tu ngập ngừng
Nếu theo đúng luật, đúng khuôn
Chỉ cần một kiếp đạt đường hằng sinh*

BÀI 28
GIÁM KHẢO KIM QUANG SỨ

*KIM QUANG SỨ là vị nào
Đấng đem ánh sáng chiếu vào Càn Khôn
Chẳng thua quyền lực Chí Tôn
Tự kiêu, tự tại, tự tôn chức quyền
Ngăn người qua Cực Lạc miền
Kim Quang bị gậy Lý Minh bay liền
Chẳng ai qua luật Huyền Thiên
Cực Lạc mở cửa, Kim Tiên cứu nàn*

BÀI 29
CUNG THƯỢNG THIÊN HỒN NGƯỜI

*Vạn Linh hiệp với Nhứt Linh
Là cung Hồn Ngươn Thượng Thiên rõ ràng*

*“Làm cha nuôi nắng ân cần
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần, ngôi Tiên”..
Đạo nào giáo chủ thấy riêng
Đại Từ Phụ Đấng cực hiền, giáo dân
Kỳ ba danh gọi CHỈ TÔN
*****???*

BÀI 30
LÔI ÂM TỰ - BẠCHNGỌC KINH
*Lôi Âm Tự tiếng chuông ngân
Vân xa Tiên nữ đưa Bản Đạo (HP) bay
Một tòa thiên các Cao Đài
Sắc màu thường đổi khó tài giải phân
Xung quanh thoai khí bao trùm
Chói lòa BẠCHNGỌC huyền khung cao vờn
Xin mời Bản Đạo (HP) lên ngai
Đào Tiên, Tiên tửu hưởng ngay một lần
Long Hoa Hội; BẠCHNGỌC KINH
Thần Tiên cảnh đẹp, người trần khó trông
Chơn tinh đến Hội Công Đồng
Cân Công bình phán mới mong qui hồi
Mau tu kéo trở ai ơi!
*****???*

CHUNG

ĐẠI ĐẠO BÍ SỬ

SOẠN GIẢ: HIỀN TÀI HIỀN TÀI TRẦN VĂN RẠNG